CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
DN: C=VN, S=Hà Nội, L=Hà Đông, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0101264520
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2018-04-10 16:22:46

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 350/BC-VNPD	*Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2018*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Năm báo cáo: 2017

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103001110 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/6/2002, đăng ký thay đổi lần 10 số 0101264520 ngày 12/07/2017
- Vốn điều lệ: 1.024.930.980.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.024.930.980.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 3 - CT1, 583 Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: 024.22131580
- Số fax: 024.35527987
- Website: http://www.vnpd.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): VPD
- ***Quá trình hình thành và phát triển:***

Ngày 03/6/2002, Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu với 5 cổ đông sáng lập gồm (i) Tổng Công ty điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam); (ii) Tổng Công ty xây dựng số 1- Bộ Xây dựng (Công ty Cổ phần Miền Đông); (iii) Công đoàn Điện lực Việt Nam; (iv) Công ty sản xuất Thiết bị điện (Nay là Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh-Công ty Cổ phần); (v) Công ty Tư vấn Xây dựng điện 2 (nay là Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2). Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Sản xuất, bán điện. Vốn điều lệ đăng ký là 13,7 tỷ đồng.

Năm 2003, Công ty nhận chuyển nhượng Nhà máy thuỷ điện Nậm Má (nằm trên địa bàn xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang) từ Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Giang theo Quyết định số 627/QĐ – UB ngày 04/3/2003 với tổng giá trị chuyển nhượng là 5.040.800.000 đồng. Nhà máy có công suất 3,2 MW gồm 02 tổ máy (mỗi tổ có công suất 1,6 MW). Đây là nhà máy được xây dựng từ những năm 1988-1989 nên đã bị xuống cấp nghiêm trọng, hư hỏng nhiều, thiết bị cũ, mòn, lạc hậu, thường xuyên phải ngừng sản xuất

để sửa chữa. Sau khi nhận chuyển nhượng, Công ty phải đầu tư sửa chữa gần như toàn bộ nhà máy nên mới phát điện trở lại được.

Ngày 19/12/2004, Công ty khởi công xây dựng dự án Nhà máy thuỷ điện Bắc Bình có công suất 33 MW gồm 02 tổ máy (mỗi tổ có công suất 16,5 MW), tổng mức đầu tư dự kiến là 571 tỷ đồng. Đây là dự án nhóm B và được Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cho phép đầu tư tại văn bản số 4260/UBBT – XDCB ngày 05/12/2003. Nhà máy bắt đầu phát điện từ ngày 27/10/2009.

Ngày 12/9/2007, Công ty khởi công dự án Nhà máy thuỷ điện Khe Bố tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An có tổng mức đầu tư là 2.973 tỷ đồng, công suất 100 MW, gồm 2 tổ máy (mỗi tổ máy có công suất 50 MW). Đây là dự án nhóm A và được Chính phủ cho phép đầu tư tại văn bản số 1793/TTg – CN ngày 07/11/2006, trong công văn có nêu "Dự án được thực hiện theo Điều 4 Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 09/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù để đầu tư xây dựng các công trình điện cấp bách trong giai đoạn 2006 - 2010". Tổ máy số 1 phát điện từ ngày 08/5/2013, Tổ máy số 2 phát điện từ ngày 24/8/2013.

Ngày 14/4/2009, Công ty thành lập Trung tâm tư vấn thiết kế trực thuộc Công ty theo Quyết định số 09/QĐ-VNPD-HĐQT. Trung tâm có chức năng nhiệm vụ chính là tư vấn thiết kế các hạng mục công trình do Công ty làm chủ đầu tư, tư vấn cho các đơn vị ngoài với mục đích tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tìm kiếm thêm nguồn thu về cho Công ty.

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY

Thời điểm	Số lượng cổ phần phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành (VNĐ)	Phương thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận phát hành
3/6/2012		13.700.000.000		Công ty thành lập và đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Góp vốn từ 05 cổ đông sáng lập
31/12/2013	87.347.043	887.170.430.000	*1. Phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu đồng thời là cổ đông sáng lập* - Số lượng phát hành: 36.197.234 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ quyền: Theo quy chế được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt ngày 18/8/2007 - Giá phát hành: 10.000	Đại hội đồng cổ đông công ty, Hội đồng quản trị (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông). - *Quy chế góp vốn được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt ngày 18/8/2007* - *Quyết định số 126/QĐ-VNPD-HĐQT ngày 29/12/2007*

			đồng/cổ phiếu *2. Phát hành cho cán bộ, công nhân viên ngành điện do Công đoàn điện lực Việt Nam đã huy động góp vốn đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bắc Bình theo phân bổ của VNPD; Cán bộ, công nhân viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Cán bộ, công nhân viên VNPD* - Số lượng phát hành: 51.149.809 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ quyền: Theo quy chế được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt ngày 18/8/2007 - Giá phát hành: 10.000 – 12.000 đồng/cổ phiếu theo đối tượng và theo từng giai đoạn tăng vốn	*- Nghị quyết số 12/NQ-VNPD-HĐQT ngày 28/11/2008* *- Nghị quyết số 01/NQ-VNPD-HĐQT ngày 26/3/2010.* *- Nghị quyết số 03/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông năm 2011 ngày 24/4/2011* *- Nghị quyết số 05/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 21/4/2012* *- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 số 05/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2013*
21/8/2014	2.089.421	908.064.640.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 2,5%	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo công văn số *4718/UBCK-QLPH ngày 21/8/2014*
18/11/2015	9.190.207	999.966.710.000	*1. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:* - Số lượng phát hành: 2.933.921 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ quyền: 7,6243% - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu *2. Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2,5%*	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo *Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 51/GCN-UBCK cấp ngày 29/07/2015*
4/11/2016	2.496.427	1.024.930.980.000	Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2,5%	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo công văn số *6559/UBCK-QLCB ngày 29/9/2016.*

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

– Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Sản xuất, phân phối, bán điện.	3510(chính)
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn đấu thầu. - Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy điện; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công trình công nghiệp; - Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; - Tư vấn quản lí dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn đền bù, giải phóng mặt bằng (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); - Tư vấn, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 110 KV. Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; - Tư vấn, giám sát thi công xây dựng (Công trình xây dựng điện đến 220 KV); - Tư vấn xây dựng (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); - Khảo sát địa chất thủy văn, khảo sát địa chất công trình xây dựng, thủy lợi, giao thông; - Tư vấn lập dự án kinh doanh (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn thuế và tài chính);	7110
3	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; - Sản xuất thiết bị điện;	3290
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản;	6810
5	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ quản lý bất động sản (Không bao gồm môi giới, định giá, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản)	6820

6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây lắp công trình điện; - Xây dựng công trình giao thông;	4290
7	Đại lý du lịch Chi tiết: - Dịch vụ phục vụ khách du lịch	7911
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	8299
9	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Buôn bán vật tư, thiết bị điện, thiết bị tin học;	4669
10	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: - Đào tạo nghề cơ khí, điện, điện tử tin học (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); - Dịch vụ xúc tiến việc làm;	8532
11	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);	5510
12	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Tư vấn lắp đặt máy móc và thiết bị năng lượng, hướng dẫn vận hành, xử lý sự cố và sửa chữa máy điện; (Đối với những nghành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo qui định của Pháp luật).	3320

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Địa bàn kinh doanh: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đang quản lý 03 nhà máy và 01 Trung tâm tư vấn thiết kế, cụ thể như sau:
  - Trụ sở văn phòng: Tầng 3 - CT1, 583 Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
  - Các chi nhánh:

    + Trạm thuỷ điện Nậm Má tại xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

    + Nhà máy thủy điện Bắc Bình tại xã Phan Lâm – Phan Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

    + Nhà máy thủy điện Khe Bố tại xã Tam Quang, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

+ Trung tâm tư vấn thiết kế: Tầng 3 - CT1, 583 Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Nguồn thu của Công ty chủ yếu là nhà máy thuỷ điện Khe Bố, nhà máy thủy điện Bắc Bình và Trạm thủy điện Nậm Má. Tuy nhiên, do nhà máy thuỷ điện Bắc Bình là bậc thang dưới của thủy điện Đại Ninh và nhà máy thủy điện Khe Bố là bậc thang dưới thuỷ điện Bản Vẽ nên phụ thuộc vào lưu lượng nước của 02 nhà máy này.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1 Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị. Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

- Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên. Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan đưa ra những định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định bộ máy điều hành của Công ty bao gồm: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và đội ngũ cán bộ quản lý bao gồm: Giám đốc nhà máy và Trưởng ban Quản lý dự án. Hội đồng quản trị hiện có 1/5 thành viên hoạt động chuyên trách.
- Tổng giám đốc: Là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động trong Công ty, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
- Phó Tổng giám đốc: Có chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho TGĐ trong công tác quản lý nguồn vốn, quản trị kinh doanh, kỹ thuật và các phần việc khác do Tổng giám đốc giao. Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các nhiệm vụ được phân công.
- Kế toán trưởng: Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác quản lý tài chính - kế toán tại đơn vị, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác tài chính – kế toán, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của Công ty và các đơn vị trực thuộc.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

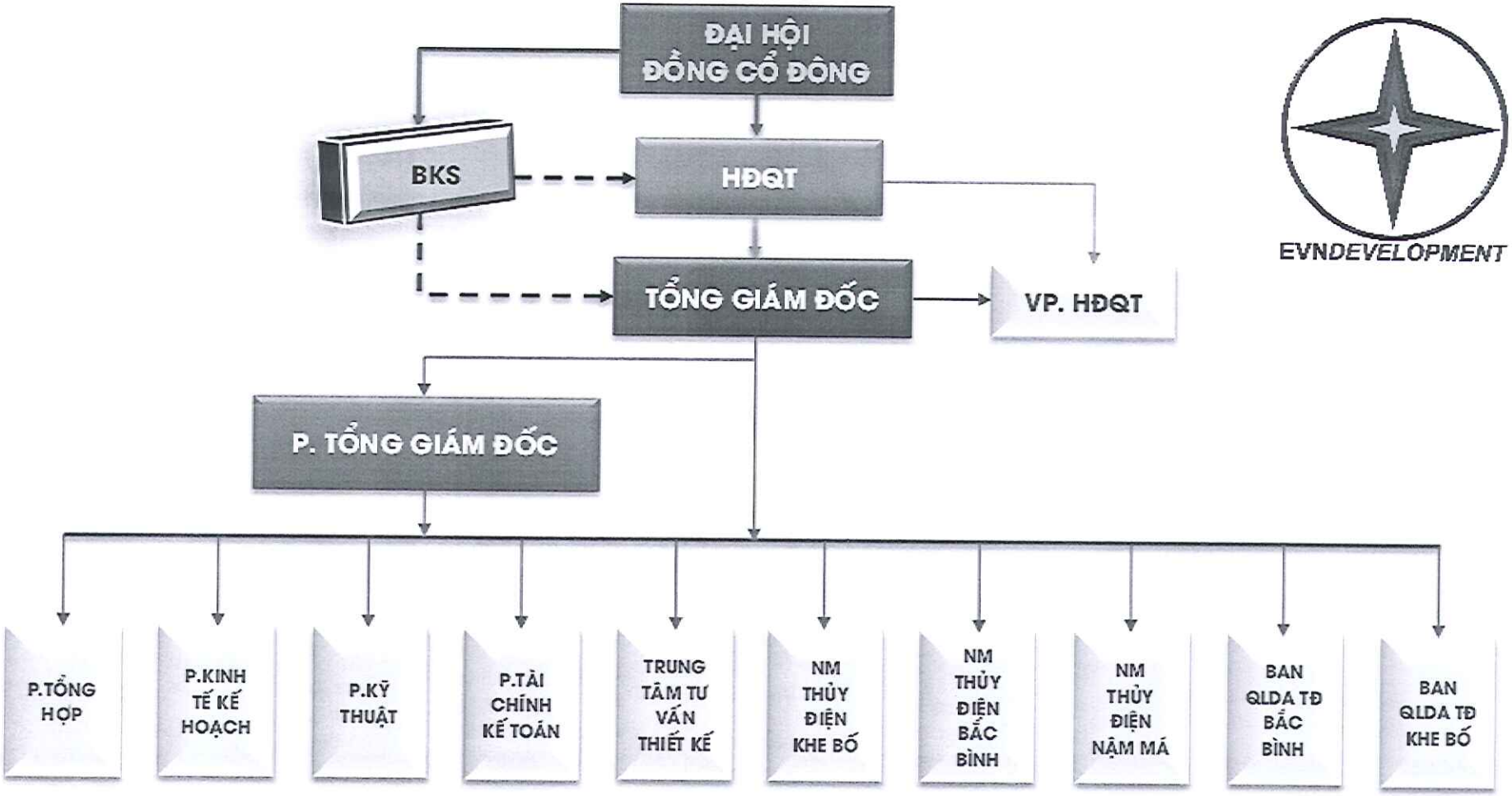

3.3 Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty không có công ty con, công ty liên kết

4. Định hướng phát triển:

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đảm bảo sản xuất điện an toàn, ổn định vượt mức kế hoạch được ĐHĐCĐ giao. Thực hiện tốt công tác chào giá điện cạnh tranh của Nhà máy thuỷ điện Bắc Bình và Nhà máy thuỷ điện Khe Bố;
- Tiếp tục công tác đào tạo cán bộ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đảm bảo mục tiêu nắm bắt và nhận chuyển giao toàn bộ công nghệ từ nhà thầu Trung Quốc, vận hành các tổ máy một cách độc lập, an toàn và liên tục;
- Sửa chữa thường xuyên các tổ máy của các Nhà máy điện.
- Triển khai các ngành nghề được pháp luật cho phép để tăng doanh thu cho Công ty;
- Tìm kiếm đầu tư mới các dự án thủy điện và các dạng năng lượng khác;

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- *Về chiến lược SXKD và đầu tư:*

Ngành điện hiện nay vẫn đang là ngành có nhu cầu lớn, lượng điện cung thấp hơn so với nhu cầu tiêu thụ trong nước. Tình trạng thiếu điện tại Việt Nam vẫn thường xuyên diễn ra, đặc biệt là vào mùa khô khi các dự án thủy điện thiếu nước. Bên cạnh đó, với đặc thù của ngành sản xuất điện, chi phí đầu tư vào vận hành các nhà máy điện khá lớn nhưng giá điện thương phẩm còn khá thấp nên rào cản gia nhập thị trường cao. Do đó, đối tượng tham gia thị trường sản xuất điện tại Việt Nam chủ yếu là các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Tổng công ty/ Tập đoàn công nghiệp nặng khác. Việc đầu tư vào ngành điện gần đây được khuyến khích và hỗ trợ rất nhiều từ Chính phủ với nhiều phương án cụ thể như: Hỗ trợ nguồn vốn vay có lãi suất thấp từ các tổ chức quốc tế, từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam, hỗ trợ từ chính sách thuế và đầu tư, hỗ trợ giá nguyên liệu đầu vào và điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường,... Do đó, Ngành điện trong tương lai gần có rất nhiều triển vọng và cơ hội đầu tư.

Theo Quy hoạch điện VII, nhu cầu điện toàn quốc được dự báo sẽ tăng bình quân gần 10%/năm trong giai đoạn từ nay đến năm 2020; 7,2-8,1% trong giai đoạn 10 năm tiếp theo. Quá trình rà soát và cập nhật tiềm năng, trữ lượng tài nguyên và khả năng cung cấp nhiên liệu cho phát điện cho thấy, các nguồn điện năng hiện tại sẽ được khai thác tối đa và thiếu hụt so với nhu cầu. Sau năm 2020, Việt Nam sẽ chuyển thành nước nhập khẩu năng lượng lớn và mức độ phụ thuộc vào năng lượng nhập khẩu. Do đó, một mặt Công ty tiếp tục tìm kiếm đầu tư các dự án thủy điện, mặt khác việc nghiên cứu đầu tư các dự án năng lượng điện sạch như điện mặt trời, điện gió là định hướng trung và dài hạn của Công ty.

Ngày 11/4/2017, Thủ tướng chính phủ đã có Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2017 – 30/6/2019.

Theo Quyết định này, dự án điện mặt trời được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định cho dự án; thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ sản xuất của dự án là nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được. Các dự án điện mặt trời, công trình đường dây và trạm biến áp để đấu nối với lưới điện được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước theo quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư. Bên mua điện có trách nhiệm mua toàn bộ sản lượng điện từ các dự án nối lưới với giá mua điện tại điểm giao nhận điện là 2.086 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương 9,35 Us cents/kWh). Giá bán điện được điều chỉnh theo biến động của tỷ giá đồng/USD. Giá điện này chỉ áp dụng cho các dự án nối lưới có hiệu suất của tế bào quang điện (Solar cell) lớn hơn 16% hoặc module lớn hơn 15%.

Do đó, trong chiến lược trung và dài hạn, Công ty sẽ nghiên cứu lập Báo cáo đầu tư một nhà máy thủy điện mới đồng thời nghiên cứu đầu tư một nhà máy năng lượng mặt trời để xem xét tính khả thi. Trường hợp có hiệu quả kinh tế, Công ty sẽ báo cáo Đại hội cổ đông để xin phép triển khai đầu tư.

- *Về triển vọng điều chỉnh giá bán điện:*

Hiện nay, sau nhiều lần tăng giá điện thì giá bán lẻ điện của Việt Nam hiện ở mức 1.720,65 đồng/kWh (chưa có VAT) (tương đương 7,6 cent/kWh) hiện đang thấp hơn so với khu vực (bình quân trên 10 cent/kWh). Do đó, trong tương lai giá bán điện có khả năng sẽ được chính phủ cho phép tăng nhằm mục tiêu chuẩn bị cho quá trình xây dựng thị trường điện cạnh tranh và khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực điện năng.

Trong năm 2017, Công ty đã đàm phán tăng thành công giá bán điện của 02 Nhà máy thủy điện Khe Bố và Bắc Bình. Công ty đã thực hiện ký lại giá hợp đồng mua bán điện của 2 Nhà máy thủy điện Khe Bố và Bắc Bình. Theo đó giá bán điện Nhà máy thủy điện Khe Bố từ ngày 1/1/2017 đến hết 30/4/2017 là 917,15 và từ ngày 1/5/2017 đến hết đời dự án là 965,37 đồng/kWh; Giá bán điện nhà máy thủy điện Bắc Bình từ ngày 1/1/2018 đến hết đời dự án là 905,39 đồng/kWh.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Công ty đã thực hiện tốt công tác đền bù di dân tái định cư công trình thủy điện Khe Bố và Bắc Bình. Đảm bảo đời sống nhân dân tái định cư tại nơi ở mới tốt hơn nơi ở cũ, được chính quyền địa phương của các Nhà máy ghi nhận và đánh giá tốt.

Trong quá trình triển khai dự án thủy điện Khe Bố và Bắc Bình, Công ty đã thực hiện đúng các quy định của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bên cạnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty luôn thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Nộp thuế tài nguyên nước, phí môi trường rừng, nộp tiền trồng rừng, luôn đóng góp tích cực cho các hoạt động xã hội, đền ơn đáp nghĩa.

5. *Các rủi ro:*

- Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy điện, thì diễn biến thời tiết ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động. Đây là một rủi ro đặc thù đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy điện. Lượng mưa là một trong những nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty này. Trước sự biến đổi khí hậu, công việc dự báo thời thiết trở nên khó khăn hơn, từ đó ảnh hưởng việc dự báo và kế hoạch lợi nhuận của các công ty thủy điện. Với vị trí địa lý nằm ở khu vực nhiệt đới gió mùa ẩm, lượng mưa hàng năm lớn, Việt Nam có yếu tố thuận lợi để phát triển thủy điện; tuy nhiên những khó khăn trong việc dự báo thời tiết dẫn đến một rủi ro trong ngành này đó là việc đánh giá sai nguồn nước của các hồ thủy điện; khi thì các hồ trong tình trạng mực nước xuống thấp thậm chí cạn kiệt khi mùa khô kéo dài, nhưng khi xảy ra mưa lũ mực nước dâng cao nhanh chóng vượt quá sức chịu đựng của các đập thủy điện dẫn đến việc phải tiến hành xả lũ.
- Bên cạnh đó, do 02 nhà máy lớn của Công ty là Nhà máy thủy điện Khe Bố và Nhà máy thủy điện Bắc Bình chỉ điều tiết 02 ngày và phụ thuộc vào các nhà máy bậc thang trên là Nhà máy thủy điện Bản Vẽ đối với Nhà máy thủy điện Khe Bố và Nhà máy thủy điện Đại Ninh đối với Nhà máy thủy điện Bắc Bình, do đó việc phát điện không được chủ động đặc biệt khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh. Hơn nữa, việc vận hành còn phụ thuộc vào lệnh điều độ từ Trung tâm điều độ Hệ thống điện quốc gia (Ao).

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2017 của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên ngày 21/4/2017.

Tình hình thực hiện đến 31/12/2017 so với KH năm 2017 như sau:

TT	Nội dung KH	Đơn vị	KH năm 2017	Thực hiện năm 2017	%HTKH
1	**Sản lượng điện thương phẩm**	**kWh**	**511.711.670**	**610.854.203**	**119,37%**
1.1	Nậm Má	kWh	11.000.000	11.275.780	102,51%
1.2	Bắc Bình	kWh	93.565.800	181.000.179	193,45%

1.3	Khe Bố	kWh	407.145.870	418.578.244	102,81%
2	**Đầu tư xây dựng**	**Đồng**	**79.650.704.212**	**52.751.007.442**	**66,23%**
2.1	Đầu tư xây dựng các công trình	Đồng	75.365.704.212	50.263.150.320	66,69%
2.2	Đầu tư từ quỹ Đầu tư phát triển	Đồng	4.285.000.000	2.487.857.122	58,06%
3	**Doanh thu**	**Đồng**	**508.726.076.746**	**596.830.561.490**	**117,32%**
3.1	Doanh thu sản xuất điện	Đồng	506.966.076.746	593.372.937.658	117,04%
3.2	Doanh thu, thu nhập khác	Đồng	1.760.000.000	3.457.623.832	196,46%
4	**Chi phí**	**Đồng**	**402.769.962.326**	**408.869.406.016**	**101,51%**
5	**Lợi nhuận sau thuế**	**Đồng**	**93.843.667.606**	**162.178.852.326**	**172,82%**
6	**Cổ tức**	**%**	**8,0%**	**10,0%**	**125,00%**

Tình hình thực hiện năm 2017 so với thực hiện hiện năm 2016 như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	So sánh (%)
1	**Sản lượng điện thương phẩm**	**kWh**	**461.600.627**	**610.854.203**	**132,33%**
1.1	Nậm Má	kWh	10.858.641	11.275.780	103,84%
1.2	Bắc Bình	kWh	90.808.894	181.000.179	199,21%
1.3	Khe Bố	kWh	359.933.092	418.578.244	116,29%
2	**Đầu tư xây dựng**	**Đồng**	**81.993.492.583**	**52.751.007.442**	**64,34%**
2.1	Đầu tư xây dựng các công trình	Đồng	81.606.159.399	50.263.150.320	61,59%
2.2	Đầu tư từ quỹ Đầu tư phát triển	Đồng	387.333.184	2.487.857.122	642,30%
3	**Doanh thu**	**Đồng**	**450.995.577.845**	**596.830.561.490**	**132,34%**
3.1	Doanh thu sản xuất điện	Đồng	448.743.607.239	593.372.937.658	132,23%
3.2	Doanh thu, thu nhập khác	Đồng	2.251.970.606	3.457.623.832	153,54%
4	**Chi phí**	**Đồng**	**393.613.618.744**	**408.869.406.016**	**103,88%**
5	**Lợi nhuận sau thuế**	**Đồng**	**55.987.637.226**	**162.178.852.326**	**289,67%**
6	**Cổ tức**	**%**	**5,97%**	**10,0%**	**167,50%**

1.1 Công tác sản xuất điện:

Năm 2017, các nhà máy vận hành bình thường theo điều độ của Ao và Điện lực Hà Giang. Đến hết ngày 31/12/2017, Công ty sản xuất được 610.854.203 kWh /511.711.670 kWh đạt 119,37% kế hoạch năm, tăng 32,33% so với năm 2016 (sản lượng điện năm 2016 thực hiện là 461.600.627 kWh). Trong đó:

- Nhà máy Thuỷ điện Nậm Má: 11.275.780 kWh, đạt 102,51% kế hoạch năm.
- Nhà máy Thuỷ điện Bắc Bình: 181.000.179 kWh, đạt 193,45% kế hoạch năm.
- Nhà máy Thủy điện Khe Bố: 418.578.244 kWh, đạt 102,81% kế hoạch năm.

Đánh giá tình hình công tác sản xuất điện:

- Năm 2017 thiết bị các nhà máy của Công ty vận hành ổn định. Tình hình khí tượng thủy văn có nhiều thuận lợi, lượng mưa lớn, lưu lượng nước về hồ nhiều nên Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng điện. Đặc biệt các tháng 5, 6, 7, 8, 9 Nhà máy Bắc Bình hoàn thành vượt mức kế hoạch nhiều.
- Trong quá trình sản xuất điện, Công ty đã thực hiện tốt công tác tối ưu hóa theo chỉ đạo của Tổng Công ty Phát điện 1. Suất tiêu hao nước và điện tự dùng của các nhà máy đã được Công ty sử dụng tiết kiệm tối đa, nhỏ hơn so với thiết kế.

1.2 Doanh thu:

Doanh thu năm 2017 của Công ty đạt 596.830.561.490 đồng/508.726.076.746 đồng, đạt 117,32% kế hoạch, tăng 32,34% so với năm 2016 (năm 2016 doanh thu toàn Công ty đạt 450.995.577.845 đồng). Trong đó:

- Doanh thu sản xuất điện: 593.372.937.658 đồng/506.966.076.746 đồng, đạt 117,04%
  - Trạm Thủy điện Nậm Má 10.377.486.847 đồng.
  - Nhà máy Thủy điện Bắc Bình 142.585.965.380 đồng.
  - Nhà máy Thủy điện Khe Bố 440.409.485.431 đồng.
- Doanh thu, thu nhập khác: 3.457.623.832 đồng/1.760.000.000 đồng, đạt 196,46%.

Nguyên nhân hoàn thành kế hoạch doanh thu do trong năm Công ty hoàn thành kế hoạch sản lượng điện thương phẩm và thành công trong việc thương thảo đàm phán tăng giá hợp đồng bán điện.

1.3 Chi phí:

Kế hoạch chi phí năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông thông qua với giá trị là 402.769.962.326 đồng. Công ty đã tiết kiệm tối đa chi phí, đến 31/12/2017, Công ty thực hiện chi phí hết 408.869.406.016 đồng (trong đó chi phí chủ yếu là khấu hao, lãi vay, Thuế tài nguyên và phí môi trường rừng), đạt 101,51% kế hoạch; tăng 3,88% so với năm 2016 (năm 2016 chi phí thực hiện là 393.613.618.744 đồng). Chi phí năm 2017 tăng so với kế hoạch và năm 2016 chủ yếu do tăng Thuế tài nguyên nước và Phí Môi trường rừng tương ứng với mức tăng vượt kế hoạch sản lượng điện năm 2017 của Công ty.

1.4 Lợi nhuận và cổ tức:

- Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2017, Công ty được giao là 93.843.667.606 đồng. Đến 31/12/2017, lợi nhuận sau thuế đạt 162.178.852.326 đồng, đạt 172,82% kế hoạch; tăng 189,67% so với năm 2016 (lợi nhuận sau thuế năm 2016 là 55.987.637.226 đồng).
- Công ty trình phê duyệt cổ tức năm 2017 là 10,0% bằng tiền mặt đạt 125,00% kế hoạch.

1.5 Công tác quản lý tài chính:

Trong năm 2017, với sự thuận lợi của thủy văn nên lượng nước về các hồ thủy điện Bắc Bình và thủy điện Khe Bố nhiều, sản lượng cả 3 nhà máy thủy điện Khe Bố, Bắc Bình, Nậm Má đều hoàn thành vượt mức kế hoạch, dẫn đến Doanh thu bán điện của Công ty tăng trưởng đáng kể, đạt 117,04% kế hoạch.

Đối với tiền điện thu được hàng tháng, sau khi trừ đi các khoản chi phí của toàn Công ty, còn lại khoản tiền nhàn rỗi Công ty đã chủ động lên kế hoạch cân đối dòng tiền hàng

tháng, quý và thực hiện gửi tiền tiết kiệm linh hoạt có kỳ hạn tại các Ngân hàng có uy tín, lãi suất cạnh tranh, nhằm tạo thêm thu nhập và chủ động các chi phí trong hoạt động SXKD cũng như sử dụng một cách có hiệu quả.

Do quản lý dòng tiền hợp lý, linh hoạt và hiệu quả nên trong năm 2017 Doanh thu tài chính của Công ty do lãi tiền gửi đem lại là 2,989 tỷ đồng đạt 204,7% kế hoạch.

Tại ngày 31/12/2017 tổng số tiền của Công ty là 144,631 tỷ đồng và Công ty thực hiện gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại các Ngân hàng là 139,461 tỷ đồng.

Ngày 14/10/2016, Hội đồng quản trị Công ty có quyết định số 993/QĐ-VNPD-HĐQT phê duyệt TMĐT hiệu chỉnh lần 4 Dự án thủy điện Khe Bố với giá trị là 3.309,596 tỷ đồng (tăng so với TMĐT cũ là 335,640 tỷ đồng).

Để bù đắp phần vốn còn thiếu hụt khi tăng TMĐT và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị tại Nghị quyết số 1307/NQ-VNPD-HĐQT ngày 28/12/2016, Công ty đã thực hiện ký kết Hợp đồng tín dụng số 5471/16/TD-TT/X.4 ngày 12/01/2017 với Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Quảng Ninh (ABB) với hạn mức vay là 160 tỷ đồng.

Đến 31/12/2017, Công ty đã thực hiện vay tại ABB để giải ngân cho Dự án thủy điện Khe Bố được 145,863 tỷ đồng.

1.6 Công tác quản lý cổ đông:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 417/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2017, Công ty đã hoàn tất công tác bàn giao Quản lý cổ đông chưa tái lưu ký với Công ty Cổ phần Chứng khoán FPTs. Kể từ ngày 10/7/2017, toàn bộ công tác quản lý cổ đông chưa tái lưu ký đã được thực hiện trực tiếp tại Văn phòng của Công ty.

1.7 Công tác niêm yết cổ phiếu lên sàn thành phố Hồ Chí Minh (HSX):

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 417/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2017 về nội dung chuyển cổ phiếu của công ty từ đăng ký giao dịch (Upcom) tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội sang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX). Ngày 25/12/2017, HSX đã ban hành Quyết định số 482/QĐ-SGDHCM chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Công ty tại HSX. Ngày 22/01/2018, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đã chính thức niêm yết 102.493.098 cổ phiếu với mã chứng khoán VPD trên Sở GDCK Tp.Hồ Chí Minh.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

1/. Ông Nguyễn Thanh Tùng - Tổng giám đốc

2/. Ông Phạm Đình Lê - Phó Tổng giám đốc kỹ thuật

3/. Ông Nguyễn Tùng Phương - Kế toán trưởng

Tóm tắt lý lịch cá nhân trong Ban điều hành:

❖ **Ông Nguyễn Thanh Tùng**

- Số CMND: 011372396; Nơi cấp: CA Hà Nội; Ngày cấp 31/05/2010

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 06/07/1962
- Nơi sinh: Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Thụy Hương, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 39 tổ 1, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Nơi ở hiện nay: Nhà B1- CO3 Splendora, KĐT Bắc An Khánh, An Khánh , Hoài Đức, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 024.22131580
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Công trình thuỷ điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
- Quá trình công tác:

  + Tháng 10/1986 đến tháng 7/2002: Công tác tại Đoàn thiết kế 1 - Công ty Tư vấn xây dựng điện 1, làm Tổ trưởng tổ thiết kế thi công và dự toán, phó chủ nhiệm thiết kế thuỷ điện Đại Thị (sau đổi tên là Tuyên Quang) giai đoạn tiền khả thi, Chủ nhiệm đề án thiết kế thủy điện Nale (sau đổi tên là Bắc Hà).

  + Từ tháng 7/2002 đến tháng 11/2002: Công tác tại Ban quản lý dự án thuỷ điện Sơn La, làm Phó phòng kỹ thuật.

  + Từ tháng 11/2002 đến tháng 2/2004: Công tác tại Ban quản lý dự án thuỷ điện 1, làm Trưởng phòng kỹ thuật.

  + Từ tháng 02/2004 đến tháng 01/2008: Công tác tại Ban quản lý dự án thuỷ điện 1, làm Phó Trưởng ban quản lý dự án thuỷ điện 1, phó bí thư chi bộ.

  + Từ tháng 02/2008 đến tháng 4/2012: Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.

  + Từ tháng 4/2012 đến 10/2014: Thành viên HĐQT chuyên trách, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.

  + Từ tháng 10/2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Số cổ phần đại diện sở hữu: Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Phát điện I: 22.535.906 cổ phần, chiếm 22,988% Vốn Điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 601.418 cổ phần, chiếm 0,587% Vốn Điều lệ
- Người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Trần Thị Thu Thủy (vợ): 15.638 cổ phần, chiếm 0,015% Vốn Điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

❖ **Ông Phạm Đình Lê**

- Họ và tên: PHẠM ĐÌNH LÊ
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/01/1978
- Số CMND: 030078000112 cấp ngày 09/9/2014; Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Nơi sinh: Lam Sơn, Thanh Miện, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: P405, N1 Chung cư Z157, Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất công trình, kỹ sư hệ thống điện.
- Quá trình công tác:
  + Từ 01/10/2000 đến 01/9/2002: Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam
  + Từ 01/9/2002 đến 19/11/2002: Công ty Xây dựng nền móng JIKON
  + Từ 19/11/2002 đến 28/02/2007: Ban Quản lí dự án Thủy điện 1
  + Từ tháng 01/3/2007 đến 21/02/2008: Phó Giám đốc các Trung tâm IPC, BIM, GMEC- Công ty CP phát triển Đầu tư HAFICO GROUP

+ Từ 22/02/2008 đến 31/03/2008: Chuyên viên phòng kỹ thuật-Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
+ Từ 01/4/2008 đến 30/10/2013: Phó P.Kỹ thuật- Công ty CPPT Điện lực Việt Nam.
+ Từ 31/10/2013 – 07/07/2014: Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty CPPT Điện lực Việt Nam.
+ Từ 08/7/2014 đến nay: Phó Tổng giám đốc- Công ty CPPT Điện lực Việt Nam.

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Phó Tổng giám đốc Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 205 cổ phần, chiếm 0,0002% vốn Điều lệ.
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Tiền lương Phó TGĐ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

❖ **Ông Nguyễn Tùng Phương**

- Số CMND: 001077003431 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 25/11/2014
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/3/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đông Lao – Hoài Đức – Hà Tây (Hà Nội)
- Địa chỉ thường trú: Phố Yên Bình – phường Phúc La – Hà Đông – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 024.22131577
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

+ Từ 9/1999 – 10/2002: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLCBĐT Dự án nhà máy thuỷ điện Sơn La.
+ Từ 11/2002 – 02/2006: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLDATĐ I.
+ Từ 3/2006 – 4/2008: Phó phòng Tài chính kế toán Ban QLDA thuỷ điện I.
+ Từ 5/2008 – 7/2008: Cán bộ phòng Tài chính Kế toán VNPD.
+ Từ 8/2008 – 12/2013: Phó phụ trách phòng Tài chính kế toán VNPD.
+ Từ 01/2014 – 7/2014: Trưởng phòng Tài chính kế toán VNPD.
+ Từ 7/2014 đến nay: Kế toán trưởng VNPD.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Phát điện I: 15.023.937 cổ phần, chiếm 14,658% Vốn Điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Lương và phụ cấp.

2.2.Những thay đổi trong ban điều hành: Không có.

2.3.Số lượng cán bộ, nhân viên:

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi Doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút, đào tạo lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược Doanh nghiệp.

Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, tổng số CBCNV toàn Công ty là: 135 lao động, cụ thể:

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Trong đó						Lao động khoán
			Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Công nhân kỹ thuật	Lái xe	Phục vụ	
1	Văn phòng Công ty	44	6	30	2	0	3	1	2
2	Trạm thủy điện Nậm Má	14	0	5	7	1	0	0	1
3	Ban QLDA thủy điện Khe Bố	1	0	1	0	0	0	0	
4	Nhà máy thủy điện Khe Bố	44	0	17	21	3	2	0	1
5	Nhà máy thủy điện Bắc Bình	32	0	13	9	6	2	0	2

	Tổng cộng:	**135**	**6**	**66**	**39**	**10**	**7**	**1**	**6**
	Tỷ lệ:		**4,4%**	**48,9 %**	**28,9%**	**7,4%**	**5,2 %**	**0,7%**	**4,4%**

2.4. Chính sách liên quan đến người lao động

- Công ty luôn chấp hành đúng các chính sách và quy định của Nhà nước, pháp luật về việc quản lý và sử dụng lao động.
- Là một đơn vị sản xuất kinh doanh điện, vấn đề an toàn trong lao động sản xuất là một yếu tố luôn được Công ty chú trọng đặt lên hàng đầu. Công ty đã ban hành các quy trình, quy định có liên quan đến việc đảm bảo sửa khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động cũng như thường xuyên tổ chức đào tạo, hướng dẫn và theo dõi công tác an toàn lao động tại nơi sản xuất.
- Công ty áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi với mục tiêu khuyến khích người lao động, nhất là lao động có kinh nghiệm, lao động có chuyên môn nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty.
- Công ty thường xuyên tổ chức và cử cán bộ đi học tập các khóa học ngắn và dài hạn nhằm nâng cao kiến thức, nghiệp vụ và tay nghề.

Chi tiết xem tại mục 6.5 phần II

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Công tác đầu tư, thực hiện dự án trong năm:

Các nhà máy của VNPD đã đi vào vận hành phát điện thương mại, nên năm 2017 Công ty chủ yếu tập trung quyết toán các hạng mục đã hoàn thành và tiếp tục thực hiện công tác đầu tư xây dựng một số hạng mục còn lại. Do tình hình vốn Công ty hạn chế, để đảm bảo dòng tiền trả nợ ngân hàng, trả cổ tức cho cổ đông năm 2016, thanh toán cho nhà thầu các hạng mục đã quyết toán và các chi phí SXKD, nên Công ty chỉ đầu tư những hạng mục thiết yếu, còn lại các công việc khác chuyển sang kế hoạch năm 2018. Tổng giá trị ĐTXD đạt 52,751 tỷ đồng/79,650 tỷ đồng đạt 66,23%. Cụ thể thực hiện như sau:

a) Nhà máy thủy điện Bắc Bình:

Năm 2017 dự án Thủy điện Bắc Bình triển khai thi công các hạng mục còn lại với giá trị 6,137 tỷ đồng đạt 59,44% so với kế hoạch năm. Bao gồm:

- Hạng mục Đường lên TĐA và xuống Cửa lấy nước: Đã thi công xong. Hiện Tư vấn kiểm toán đang thẩm tra HSQT của hạng mục.
- Hạng mục cây xanh, hòn non bộ khu nhà quản lý vận hành: Đã thi công xong. Hiện Tư vấn kiểm toán đang thẩm tra HSQT của hạng mục.
- Hạng mục cây xanh cảnh quan nhà máy, Hệ thống đo đếm điện năng phục vụ thị trường phát điện cạnh tranh, Hệ thống SCADA 171 Ngăn lộ Đại Ninh - Bắc Bình: Trong năm 2017 Công ty đã thực hiện các thủ tục lập và trình duyệt hồ sơ thiết kế BVTC+dự

toán. Trong đầu năm 2018, Công ty đã tổ chức lựa chọn được nhà thầu thi công. Hiện Công ty đang đôn đốc nhà thầu thi công theo tiến độ hợp đồng.

b) Nhà máy thủy điện Khe Bố:

Công tác thi công các hạng mục còn lại:

Năm 2017 dự án Nhà máy thủy điện Khe Bố tập trung thi công các hạng còn lại. Giá trị thực hiện đầu tư xây dựng là 42,926 tỷ đồng đạt 76,60% so với kế hoạch năm. Bao gồm:

- Xử lý sạt lở bờ phải và gia cố sân tiêu năng: Công ty đã thực hiện xong công tác khảo sát và đang phối hợp với tư vấn lập hồ sơ thiết kế BVTC.
- Khu nhà điều hành và ở CBCVN nhà máy: Đôn đốc nhà thầu thực hiện theo tiến độ hợp đồng đã ký.
- Xử lý sạt lở Quốc lộ 7 do mưa lũ năm 2017: Đã tổ chức xúc đất sạt trượt để đảm bảo an toàn giao thông. Phương án thiết kế xử lý trình HĐQT đã được HĐQT phê duyệt trong đầu năm 2018. Hiện nay, Công ty đang lựa chọn nhà thầu thi công để đảm bảo tiến độ.
- Đôn đốc Ban QLDA huyện Tương Dương thi công bổ sung hệ thống cấp nước sinh hoạt khu tái định cư bản Đình Thắng, bản Pủng; Công trình phụ trợ các hạng mục công trình công cộng.
- Đền bù, hỗ trợ: Thực hiện đền bù đất thị trấn Hòa Bình (08 đợt), hỗ trợ hộ nghèo (09 đợt).

Công tác quyết toán:

Về cơ bản Công ty đã phối hợp với các bên liên quan lập, kiểm toán và trình duyệt xong quyết toán các hạng mục, gói thầu chính của dự án. Giá trị quyết toán lũy kế đã được Tư vấn kiểm toán kiểm tra đạt 2.854,336 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

- Phần xây dựng: Trong năm 2017 Công ty đã phối hợp với các bên liên quan lập, hoàn thiện và chuyển tư vấn kiểm toán thẩm tra hồ sơ quyết toán các hạng mục còn lại bao gồm:

+ Trồng cỏ hoàn thiện kiến trúc ngoài nhà máy.

+ Cung cấp, lắp đặt cửa nhôm kính gian lắp ráp.

+ Cung cấp, lắp đặt cửa Đập tràn, Cửa nhận nước.

+ Cung cấp, lắp đặt cửa cuốn gian lắp ráp.

+ Cung cấp, lắp đặt cửa nhựa lõi thép uPVC cho nhà máy.

+ Đường thi công phục vụ lắp đặt thiết bị CKTC khoang tràn số 8 và rút cửa van hạ lưu.

+ Xử lý sạt lở vai trái.

Giá trị quyết toán phần xây dựng lũy kế thực hiện là 1.044,923 tỷ đồng.

- Phần thiết bị: Trong năm 2017 Công ty phối hợp với các bên hoàn thiện hồ sơ quyết toán gói thầu 20 (Cung cấp, lắp đặt Thiết bị CKTC đập tràn) và gói thầu 21 (Cung cấp, lắp đặt Thiết bị CKTC cửa nhận nước và cửa xả cát). Trình duyệt quyết toán Gói thầu số

23 (Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện) chi phí Thí nghiệm hiệu chỉnh hệ thống bảo vệ đường dây 220 kV. Đến nay tư vấn kiểm toán đã thẩm tra xong gói thầu số 21 và các gói thầu thiết bị nhỏ đợt 1. Giá trị quyết toán phần thiết bị lũy kế thực hiện là 1.059,009 tỷ đồng.

- Phần đền bù tái định cư: Trong năm 2017 về cơ bản Công ty đã phối hợp với Ban QLDA và Hội đồng bồi thường huyện Tương Dương lập xong hồ sơ quyết toán các hạng mục đền bù tái định cư đã thi công hoàn thành.

Các hạng mục đã hoàn thiện hồ sơ quyết toán và thực hiện kiểm toán gồm: Các hạng mục công trình công cộng; Các hạng mục Điện 35kV và 0,4kV; Các hạng mục nước sinh hoạt; San nền các khu tái định cư Đình Phong, bản Mác, Đình Tiến, Cánh Tráp, bản Pủng; Đường giao thông nông thôn loại A vào các khu tái định cư bản Nhẫn, bản Mác, Cánh Tráp, Cầu mới Đình Phong, Cầu số 1 và 3 thuộc đường Đình Hương-Đình Tiến-Đình Thắng; Đường nội vùng các khu tái định cư Cánh Tráp, Vườn Xoài, Đình Tiến; Chi phí đền bù hỗ trợ đợt 1, 2, 3.

Giá trị quyết toán phần chi phí đền bù tái định cư đã thực hiện quyết toán lũy kế thực hiện ước đạt 267,680 tỷ đồng.

- Phần chi phí khác: Tiếp tục phối hợp với các bên liên quan hoàn thiện hồ sơ quyết toán chuyển Tư vấn kiểm toán thẩm tra gồm các chi phí: Khảo sát lập dự án đầu tư và các báo cáo chuyên ngành; Khảo sát lập thiết kế kỹ thuật; Lập Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2, 3, 4; Lập thiết kế BVTC và dự toán; Khảo sát địa chất phục vụ thiết kế xử lý sạt lở vai trái; Thiết kế BVTC xử lý sạt lở vai trái; Trồng bù thiệt hại rừng bị ngập; Bảo hiểm công trình; Ăn ca; Thu dọn lòng hồ; Chi phí chung QLDA, Chi phí lãi vay...

Giá trị quyết toán đã thực hiện hoàn thiện hồ sơ và được Tư vấn kiểm toán thẩm tra là 407,056 tỷ đồng.

c) Nghiên cứu đầu tư dự án mới:

- Dự án điện mặt trời tại tỉnh Bình Thuận: Công ty đã phối hợp với Công ty cổ phần Tư vấn điện 3 lập Khảo sát, lập báo cáo và trình UBND tỉnh Bình Thuận về dự án điện mặt trời tại công trình thủy điện Bắc Bình, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

- Dự án thủy điện trên sông Luồng, tỉnh Thanh Hóa: Trong năm 2017 Công ty đã phối hợp với các bên liên quan và UBND tỉnh Thanh Hóa trình Bộ Công thương quy hoạch thủy điện trên sông Luồng. Ngày 17/8/2017 Bộ Công thương có Quyết định số 3202A/QĐ-BCT về việc phê duyệt quy hoạch bậc thang thủy điện trên sông Luồng thuộc địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay Công ty đang tiếp tục làm việc với các Sở, Ban, Ngành tỉnh Thanh Hóa để trình UBND tỉnh cho phép Công ty lập dự án đầu tư.

- Các chi phí cho công tác nghiên cứu đầu tư dự án mới chủ yếu do Công ty tự thực hiện.

d) Đầu tư xây dựng trụ sở VNPD:

Trong năm 2017, Công ty thực hiện trình duyệt Thiết kế BVTC + Dự toán hoàn thiện nội thất và đã tổ chức đấu thầu rộng rãi trong nước để lựa chọn nhà thầu thi công. Hiện Công ty đang tập trung đôn đốc nhà thầu thi công theo tiến độ hợp đồng.

3.2. Đầu tư từ Quỹ đầu tư phát triển:

Để tiết kiệm chi phí, năm 2017 Công ty chỉ thực hiện đầu tư một số hạng mục cần thiết với giá trị thực hiện là 2,488 tỷ đồng/4,285 tỷ đồng, đạt 58,06% kế hoạch năm. Trong đó chỉ thực hiện các công việc chính: Trang bị phông màn, lắp máy chiếu, dàn âm thanh phòng họp cho Nhà máy Bắc Bình; Lắp đặt hệ thống giám sát mực nước thượng hạ lưu theo Quy trình vận hành liên hồ chứa và mua xe ô tô cẩu tự hành cho Nhà máy thủy điện Khe Bố; Trang bị thiết bị phục vụ họp trực tuyến toàn Công ty (giai đoạn 1).

3.3. Các Công ty con, công ty liên kết: *Công ty không có công ty con, công ty liên kết*

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	2.703.753.246.571	2.641.101.188.033	-2,32%
Doanh thu thuần	448.743.607.239	593.372.937.658	32,23%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	57.469.565.465	188.853.238.423	228,61%
Lợi nhuận khác	(87.606.364)	(892.082.949)	918,29%
Lợi nhuận trước thuế	57.381.959.101	187.961.155.474	227,56%
Lợi nhuận sau thuế	55.987.637.226	162.178.852.326	189,67%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5,97%	10,00%	67,50%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0,403	0,560	
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - HTK)/Nợ ngắn hạn	0,397	0,555	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,590	0,544	
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,441	1,192	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/HTK bình quân)	106,494	125,600	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,166	0,222	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,125	0,273	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,051	0,140	

Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,020	0,061	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,128	0,318	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1.Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 102.493.098 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: 100% Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 102.493.098 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:

STT	Tên cá nhân/Tổ chức	ĐKKD/CMND	Tổng số CP sở hữu	Số cp bị hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Thanh Tùng	011372396	601.418	601.418	0,587%
2	Nguyễn Văn Khóa	023665370	378	378	0,000%
3	Phạm Đình Lê	030078000112	205	205	0,000%
4	Hồ Quang Hải	100120089	10.250	10.250	0,010%
5	Nguyễn Thị Tuyết	042167000002	60.851	60.851	0,059%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	0303898093	12.665.463	12.665.463	12,357%
7	Công Ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại	0800296853	10.876.594	10.876.594	10,612%
Tổng cộng			**24.215.159**	**24.215.159**	**23,626%**

Thời gian hạn chế chuyển nhượng: hạn chế 100% số lượng cổ phiếu nêu trên trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK (22/01/2018).

5.2.Cơ cấu cổ đông: Tính đến 05/10/2017 (thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền gần nhất của Công ty), cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

a) Cổ đông lớn

Tổng số cổ đông lớn: 03 cổ đông, nắm giữ 61.101.900 CP, tương ứng 59,62% vốn cổ phần. Cụ thể:

CỔ ĐÔNG	SỐ ĐKSH	SỐ LƯỢNG CP	Tỷ lệ
Tổng công ty Phát điện 1	5701662152	37.559.843	36,65%
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Tuấn Lộc	0303898093	12.665.463	12,36%
Công Ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại	0800296853	10.876.594	10,61%

b) Cổ đông nhà nước

Tổng số cổ đông Nhà nước: 01 cổ đông, nắm giữ 37.559.843 CP, tương ứng 36,65% vốn cổ phần. Cụ thể là: Tổng Công ty Phát điện 1, địa chỉ: Tầng 17-19 Tháp B Tòa nhà EVN, 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, Hà Nội.

c) Cổ đông trong nước

Tổng số cổ đông trong nước: 6.867 cổ đông, nắm giữ 102.450.642 cổ phần, chiếm 99,96% tổng số cổ phần, trong đó:

+ Tổ chức: 14 cổ đông nắm giữ 65.415.770 cổ phần chiếm 63,83% tổng số cổ phần;
+ Cá nhân: 6.853 cổ đông nắm giữ 37.034.872 cổ phần chiếm 36,13% tổng số cổ phần.

d) Cổ đông nước ngoài

Tổng số cổ đông nước ngoài: 03 cổ đông, nắm giữ 42.456 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn cổ phần.

5.3.Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2017, Vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi.

5.4.Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.5.Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Do đặc thù Công ty là đơn vị sản xuất thủy điện, do đó nguồn nguyên liệu chính để sản xuất là nước. Cụ thể trong năm 2017, lượng nước tiêu thụ để sản xuất điện năng của Công ty như sau:

- Nguồn cung cấp nước: Hồ chứa Khe Bố-Sông Lam-huyện Tương Dương-tỉnh Nghệ An; hồ chứa Bắc Bình-Sông Lũy-huyện Bắc Bình-tỉnh Bình Thuận; suối Nậm Má-huyện Vị Xuyên-tỉnh Hà Giang.
- Lượng nước sử dụng/năm:
  + NMTĐ Khe Bố: $7.060,607 \times 10^6$ m3
  + NMTĐ Bắc Bình: $1.126,606 \times 10^6$ m3
  + Trạm TĐ Nậm Má: $50,740 \times 10^6$ m3
  + Tổng cộng: $8.237,953 \times 10^6$ m3

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp/năm 2017:
  + NMTĐ Khe Bố: $4,269 \times 10^6$kWh
  + NMTĐ Bắc Bình: $2,560 \times 10^6$ kWh
  + Trạm TĐ Nậm Má: $0,124 \times 10^6$ kWh
  + Tổng cộng: $6,953 \times 10^6$ kWh
- Năng lượng tiêu thụ gián tiếp: 0

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 0

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: 0

6.3. Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Xem mục II.6.1.a

b. Tỷ lệ % và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

Ý thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, Công ty luôn chấp hành đúng, đủ các quy định về bảo vệ môi trường (Nộp thuế môi trường rừng, thuế tài nguyên nước, thực hiện đúng các quy định về an toàn đập, quy trình vận hành hồ chứa, an toàn cháy nổ….), cũng như đảm bảo môi trường sản xuất an toàn, sanh xạch.

Trong năm 2017, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Lao động bình quân trong năm 2017: 135 lao động
- Mức lương trung bình: 16,6 triệu/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi của người lao động

- Là một đơn vị sản xuất kinh doanh điện, vấn đề an toàn trong lao động sản xuất là một yếu tố luôn được Công ty chú trọng đặt lên hàng đầu. Công ty đã ban hành một số các quy trình, quy định có liên quan đến việc đảm bảo sửa khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động như: Quy định về an toàn vệ sinh lao động, Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy định về thực hành tốt 5S. Ngoài ra Công ty còn duy trì hàng năm việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động toàn Công ty, trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân và nhân viên vận hành tại các Nhà máy và công trường, thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo, phổ biến các quy định về an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ....;
- Công ty áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi với mục tiêu nhằm khuyến khích người lao động, nhất là lao động có kinh nghiệm, lao động có chuyên môn nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty.

c. Hoạt động đào tạo:

Công ty đã bố trí cho CBCNV tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do EVN, EVNGENCO1 và một số cơ quan có liên quan tổ chức, cụ thể như sau:

- Đào tạo kỹ năng lập kế hoạch truyền thông và viết bài, biên tập bài;

- Lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp 4;
- Chương trình đào tạo về thị trường bán buôn điện cạnh tranh cho các đơn vị phát điện độc lập;
- Lớp đào tạo phát triển kỹ năng quản lý và lãnh đạo;
- Lớp quản lý rủi ro tài chính trong hợp đồng mua bán điện.
- Lớp đào tạo các kỹ năng mềm;
- Tập huấn công tác thực thi văn hóa doanh nghiệp;
- Đào tạo, bồi dưỡng chính sách lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội;
- Đào tạo "Quản lý môi trường";
- Khóa tập huấn pháp luật;
- Lớp đào tạo hệ thống điện Việt Nam và đặc điểm đấu nối các nhà máy điện thuộc Tổng Công ty Phát điện I vào Hệ thống điện Quốc gia;
- Tổ chức huấn luyện an toàn phòng chống cháy nổ và phòng chống lụt bão cho CBCNV vận hành của các nhà máy.
- Đào tạo văn bằng 2 hệ thống điện và một số chuyên môn nghiệp vụ khác cho một số CBCNV của nhà máy cho phù hợp với yêu cầu SXKD điện.
- Cử CBCNV tham gia lớp tập huấn cập nhật chế độ kế toán mới, các chế độ, chính sách về lao động, tiền lương do Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Phát điện I tổ chức …

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường cũng như cố gắng tham gia các hoạt động của cộng đồng địa phương, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Cụ thể trong năm 2017, Công ty đã thực hiện như sau:

- Nộp thuế tài nguyên nước: 49.941.279.804 đ
- Nộp phí dịch vụ môi trường rừng: 11.846.567.220 đ
- Đền bù thiệt hại và TĐC vùng lòng hồ.
- Đền bù thiệt hại về đất và tài sản gắn liền với đất.
- Xây dựng các khu Tái định cư.
- Tham gia các hoạt động vì cộng đồng do địa phương tổ chức.
- Ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, người nghèo và TTXH năm 2016: 240.798.000 đ

  Trong đó:

  + Ủng hộ người nghèo ăn Tết tại Tương Dương-Nghệ An, Bắc Bình-Bình Thuận và Xã Cao Bồ-Vị Xuyên-Hà Giang: 111.500.000 đ

  + Trùng tu công trình văn hóa tại Tương Dương-Nghệ An 50.000.000 đ

  + Ủng hộ lũ lụt Miền Trung: 33.208.000 đ

  + Ủng hộ người nghèo theo Nghị quyết số 30A: 12.600.000 đ

  + Tương trợ xã hội chuyển Công đoàn EVNGENCO1: 31.490.000 đ

  + Ủng hộ Hội CCB và các cháu chất độc da cam Q.Hà Đông-Hà Nội: 2.000.000 đ

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:*

Tình hình thực hiện công tác SXKD đến 31/12/2017 so với KH năm 2017 và thực hiện năm 2016:

Chi tiết xem tại mục 1 phần II.

Những tiến bộ của Công ty đạt được:

+ Với sự cố gắng và nỗ lực của Ban điều hành cũng như toàn bộ CBCNV Công ty, trong năm 2017 Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao cho.
+ Công ty đã thực hiện xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm và kế hoạch quản lý dòng tiền năm sau để chủ động trong công tác quản lý tài chính, đảm bảo dòng tiền của Công ty ổn định.
+ Công ty đã thành công đàm phán tăng giá bán điện và ký kết hợp đồng mua bán điện mới cho 02 Nhà máy thủy điện Khe Bố và Bắc Bình.
+ Đã rà soát lại định biên của các phòng, ban Công ty và các đơn vị để bổ sung các nhân sự có năng lực trình độ, tuyển dụng một số trưởng ca, điều hành viên giỏi; triển khai đào tạo chuyên môn hệ thống điện văn bằng 2 cho CBCNV hệ kỹ thuật từ Công ty đến các đơn vị nhằm đáp ứng công tác SXKD điện theo đề án tổ chức đã được duyệt; tổ chức cho CBCNV tham gia các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn.
+ Đẩy mạnh công tác phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật tự thực hiện các công việc các nhà máy có thể làm được, giảm bớt thuê ngoài, chú trọng công tác vệ sinh, an toàn lao động nhằm nâng cao năng suất lao động và SXKD điện an toàn và hiệu quả.
+ Hoàn thành công tác niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

2. *Tình hình tài chính:*

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản thông qua bảng so sánh sau:

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2016		Tăng/Giảm	% Tăng/Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		
A . Tài sản ngắn hạn	**228.887.984.025**	**8,67%**	**149.706.165.831**	**5,54%**	**79.181.818.194**	**52,89%**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	144.631.535.227	5,48%	57.890.769.225	2,14%	86.740.766.002	149,84%
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	81.974.390.559	3,10%	89.106.401.391	3,30%	(7.132.010.832)	-8,00%

III. Hàng tồn kho	1.872.416.851	0,07%	2.317.575.952	0,09%	(445.159.101)	-19,21%
IV. Tài sản ngắn hạn khác	409.641.388	0,02%	391.419.263	0,01%	18.222.125	4,66%
B . Tài sản dài hạn	**2.412.213.204.008**	**91,33%**	**2.554.047.080.740**	**94,46%**	**(141.833.876.732)**	**-5,55%**
I. Tài sản cố định	2.374.013.801.722	89,89%	2.547.492.536.307	94,22%	(173.478.734.585)	-6,81%
II. Tài sản dở dang dài hạn	35.254.644.098	1,33%	133.072.326	0,00%	35.121.571.772	26392,84%
III. Đầu tư tài chính dài hạn	1.950.000.000	0,07%	1.950.000.000	0,07%	-	0,00%
IV. Tài sản dài hạn khác	994.758.188	0,04%	4.471.472.107	0,17%	(3.476.713.919)	-77,75%
Tổng cộng Tài sản	**2.641.101.188.033**	**100,00%**	**2.703.753.246.571**	**100,00%**	**(62.652.058.538)**	**-2,32%**

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Tăng/Giảm
Tỷ suất đầu tư (TSCĐ/Tổng TS)	0,899	0,942	(0,043)
Tỷ suất tự tài trợ tài sản cố định (Vốn CSH/TSCĐ)	0,508	0,435	0,073
ROA (LNST/Tổng TS)	0,061	0,021	0,041

Nhận xét:

- Nhận xét chung:

Tổng tài sản của Công ty năm 2017 giảm 62,6 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 2,32% so với năm 2016. Trong đó tài sản dài hạn giảm 141,8 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 5,55%, tài sản ngắn hạn tăng 79,1 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 52,89%. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu là do tài sản cố định giảm 173 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 6,81% do trích khấu hao TSCĐ trong năm. Tài sản ngắn hạn năm 2017 tăng là do tiền và các khoản tương đương tiền tăng lên. Trong cơ cấu tài sản, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của Công ty, thể hiện sự chú trọng của Công ty vào đầu tư, xây dựng các tài sản dài hạn, phù hợp với năng lực sản xuất và định hướng phát triển kinh doanh bền vững của Công ty. Mặt khác, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản phản ánh đúng đặc điểm ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Nhận xét về hiệu quả sử dụng tài sản:

Nhìn chung, trong năm 2017 Công ty đã sử dụng tài sản một cách hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Thông qua một số chỉ tiêu như: Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA) năm 2017 tăng lên so với năm 2016, cụ thể năm 2016 đạt 0,021 lần, năm 2017 đạt 0,061 lần; Tỷ suất tự tài trợ tài sản cố định năm 2017 cũng tăng lên so với năm 2016, tuy một bộ phận TSCĐ vẫn được tài trợ bằng nguồn vốn bên ngoài, nhưng tình hình tài chính đã được nâng lên, vững vàng, lành mạnh hơn và giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn vốn bên ngoài.

b) Tình hình nợ phải trả

Phân tích tình nợ phải trả thông qua bảng so sánh sau:

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2016		Tăng/Giảm	% Tăng/Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		
I. Nợ ngắn hạn	**408.955.620.991**	**28,48%**	**371.042.192.826**	**23,25%**	**37.913.428.165**	**10,22%**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	52.834.257.519	3,68%	137.871.180.833	8,64%	(85.036.923.314)	-61,68%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	102.460.000	0,01%	102.460.000	0,01%	-	0,00%
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16.187.081.475	1,13%	8.583.542.266	0,54%	7.603.539.209	88,58%
4. Phải trả người lao động	7.980.127.523	0,56%	7.018.744.821	0,44%	961.382.702	13,70%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	1.794.677.018	0,12%	1.977.748.667	0,12%	(183.071.649)	-9,26%
6. Phải trả ngắn hạn khác	18.101.593.819	1,26%	16.080.433.370	1,01%	2.021.160.449	12,57%
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	310.931.286.540	21,65%	196.418.205.638	12,31%	114.513.080.902	58,30%
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.024.137.097	0,07%	2.989.877.231	0,19%	(1.965.740.134)	-65,75%
II. Nợ dài hạn	**1.027.061.458.444**	**71,52%**	**1.225.011.814.130**	**76,75%**	**(197.950.355.686)**	**-16,16%**
1. Phải trả nội bộ dài hạn	4.572.014.881	0,32%	34.717.000.635	2,18%	(30.144.985.754)	-86,83%
2. Vay và thuê tài chính dài hạn	1.022.489.443.563	71,20%	1.190.294.813.495	74,58%	(167.805.369.932)	-14,10%
Tổng Nợ phải trả	**1.436.017.079.435**	**100,00%**	**1.596.054.006.956**	**100,00%**	**(160.036.927.521)**	**-10,03%**

Nhận xét:

- Tổng nợ phải trả năm 2017 giảm 160,036 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 10,03%. Trong đó nợ dài hạn giảm 197,95 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 16,16%, nợ ngắn hạn tăng 37,9 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 10,22%. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tổng nợ phải trả giảm là do trong năm Công ty đã trả nợ gốc các khoản vay cũng như trả nhà cung cấp.
- Trong năm 2017, Công ty không có các khoản nợ phải trả xấu. Các khoản nợ phải trả, Công ty đều có khả năng thanh toán trong tương lai.
- Số dư các khoản phải trả bằng ngoại tệ của Công ty là nhỏ, do đó ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm là không đáng kể.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2017, Công ty đã có nhiều cố gắng nhằm tháo gỡ những khó khăn về tài chính cũng như đổi mới cơ cấu tổ chức, quản lý đảm bảo luôn sát sao với tình hình SXKD và ĐTXD. Cụ thể:

- Tổ chức triển khai thi đánh giá chất lượng đối với công nhân vận hành tại các Nhà máy điện nhằm nâng cao tay nghề, củng cố kiến thức cũng như làm cơ sở phân loại, đánh giá lao động để có phương hướng điều chỉnh cho phù hợp.
- Tổ chức cho CBCNV tham gia các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thủy điện ngắn hạn. Tổ chức các khóa học tập kinh nghiệm quản lý để nâng cao kiến thức quản lý và điều hành.
- Hoàn thiện và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành của công ty.
- Thực hiện sâu rộng qui tắc ứng xử văn hóa EVNGENCO1, văn hóa doanh nghiệp trong CBCNV nhằm xây dựng hình ảnh đẹp cũng như uy tín của Công ty trong xã hội.
- Triển khai thực hiện tốt 5S từ Công ty đến các đơn vị.
- Tổ chức triển khai áp dụng các phần mềm quản lý cũng như quy trình quản lý mới như KPI, ERP giúp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả quản lý trong SXKD.
- Hưởng ứng và phát động các phong trào thi đua SXKD do Tổng Công ty Phát điện I và Công ty tổ chức. Đẩy mạnh công tác phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, chú trọng công tác vệ sinh, an toàn lao động nhằm nâng cao năng suất lao động và SXKD điện an toàn hiệu quả. Tích cực chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV Công ty.
- Đối với công tác đầu tư xây dựng và công tác quyết toán công trình, trong năm 2017 Công ty đã nỗ lực đẩy nhanh tiến độ ĐTXD và quyết toán công trình về cơ bản đã hoàn thành so với kế hoạch 2017 đề ra, dự kiến trong năm 2018 sẽ tiếp tục hoàn thiện các hạng mục và phần việc còn lại.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Công ty dự kiến kế hoạch năm 2018 với các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Nội dung KH	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	KH năm 2018
1	**Sản lượng điện thương phẩm**	**kWh**	**610.854.203**	**529.485.610**
1.1	- Thuỷ điện Nậm Má	kWh	11.275.780	11.000.000
1.2	- Thuỷ điện Bắc Bình	kWh	181.000.179	111.141.760
1.3	- Thuỷ điện Khe Bố	kWh	418.578.244	407.343.850
2	**Đầu tư xây dựng:**	**đồng**	**52.751.007.442**	**82.344.190.478**
3	**Doanh thu:**	**đồng**	**596.830.561.490**	**569.035.271.198**
3.1	Doanh thu sản xuất điện:	đồng	593.372.937.658	567.435.271.198
3.2	Doanh thu, thu nhập khác:	đồng	3.457.623.832	1.600.000.000
4	**Chi phí :**	**đồng**	**408.869.406.016**	**427.254.460.349**
5	**Lợi nhuận sau thuế:**	**đồng**	**162.178.852.326**	**123.813.351.032**
6	**Cổ tức**	**%**	**10,0%**	**10,0%**

4.1. Kế hoạch sản xuất điện:

Theo quy trình vận hành liên hồ chứa đã được Bộ Công thương duyệt thì sản lượng điện sản xuất của Nhà máy thủy điện Bắc Bình và NMTĐ Khe Bố đều bị ảnh hưởng giảm nhiều so với điện lượng trung bình nhiều năm khi lập Thiết kế kỹ thuật.

Trên cơ sở đó và xem xét yếu tố thủy văn thực tế và tính toán theo phương pháp kéo dài chuỗi dòng chảy, Công ty VNPD đã lập kế hoạch điện lượng thương phẩm năm 2018 của Nhà máy thủy điện Bắc Bình là 111.141.760 kWh, Nhà máy thủy điện Khe Bố là 407.343.850 kWh. Tổng sản lượng điện thương phẩm 3 nhà máy là 529.485.610 kWh.

Kế hoạch điện tự dùng:

Kế hoạch tỷ lệ điện tự dùng và tổn thất điện năng của các Nhà máy năm 2018 cụ thể như sau: Thuỷ điện Nậm Má: 1,09%; Thuỷ điện Bắc Bình: 1,47%; Thủy điện Khe Bố: 1,01%.

Suất tiêu hao nhiên liệu/nước, vật liệu phụ:

Kế hoạch suất tiêu hao nước năm 2017 của các nhà máy cụ thể như sau: Thủy điện Khe Bố: 17,4 m^3/kWh; Thủy điện Bắc Bình: 6,3 m^3/kWh; Thuỷ điện Nậm Má: 5,1 m^3/kWh (TM1), 4 m^3/kWh (TM2).

4.2. Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2018

Trong năm 2018 Công ty sẽ đôn đốc thi công hoàn thành các hạng mục ĐTXD còn lại của các dự án và các hạng mục đầu tư phát triển với giá trị dự kiến là: 82.344.190.478 đồng. Cụ thể:

a) Dự án thủy điện Bắc Bình:

Giá trị ĐTXD dự kiến là: 3.363.271.498 đồng. Bao gồm các hạng mục:

- Bố trí cây xanh và cảnh quan Nhà máy.
- Hoàn thiện hệ thống đo đếm điện năng.
- Hệ thống Scada ngăn lộ 171 Đại Ninh-Bắc Bình.

b) Dự án thủy điện Khe Bố:

Giá trị ĐTXD dự kiến là 43.488.905.331 đồng. Bao gồm các hạng mục:

- Xây dựng khu nhà ở và làm việc của CBCNV nhà máy.
- Xử lý sạt lở bờ phải và gia cố sân tiêu năng bờ phải.
- Nạo vét, xử lý hạ thấp mực nước hạ lưu kênh xả Nhà máy.
- Thực hiện các công việc còn lại của công tác đền bù, di dân, tái định cư.
- Công tác quyết toán: Về cơ bản đến hết năm 2017 Công ty đã phối hợp với Tư vấn kiểm toán thẩm tra xong hồ sơ quyết toán các hạng mục phần xây dựng; phần thiết bị; phần lớn chi phí QLDA+ chi phí khác và một phần chi phí đền bù tái định cư. Trong đó công tác quyết toán chủ yếu còn tồn tại vướng mắc tại các hạng mục đền bù tái định cư.

Ngày 18/01/2018 Công ty đã có Quyết định số 56/QĐ-VNPD về việc phê duyệt kế hoạch quyết toán các hạng mục còn lại của dự án Nhà máy thủy điện Khe Bố. Ngày 05/3/2018 trên cơ sở yêu cầu của UBND tỉnh Nghệ An, UBND huyện Tương Dương ban hành Quyết định số 196/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Nhà máy thủy điện Khe Bố. Theo đó Công ty sẽ phối

hợp chặt chẽ, sát sao với Ban QLDA và Hội đồng bồi thường huyện Tương để hoàn thành quyết toán chi phí đền bù tái định cư trong năm 2018.

c) Nghiên cứu dự án đầu tư mới: 20.000.000.000 đồng.

- Dự án điện mặt trời: Ngày 21/3/2018 UBND tỉnh Bình Thuận đã có văn bản số 1087/UBND-KT về việc mở rộng dự án đầu tư nhà máy điện mặt trời tại xã Phan Sơn của VNPD. Theo đó UBND tỉnh Bình Thuận đồng ý cho VNPD lập dự án đầu tư; và phối hợp với sở Công thương lập hồ sơ bổ sung quy hoạch phát triển điện lực tỉnh theo quy định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong năm 2018, Công ty sẽ phối hợp với các Sở, Ban, Ngành địa phương để tiến hành các thủ tục tiếp theo.
- Dự án thủy điện trên Sông Luồng: Trong năm 2017 Bộ Công thương đã phê duyệt quy hoạch thủy điện trên Sông Luồng. Năm 2018 Công ty tiếp tục làm việc với UBND tỉnh Thanh Hóa xin chủ trương đầu tư thủy điện trên sông Luồng (Nam Động 1).

d) Chuyển trụ sở làm việc của Công ty:

Công ty đôn đốc nhà thầu thi công hoàn thiện trong quý II/2018 với giá trị dự kiến là 6.592.738.000 đồng.

e) Đầu tư từ quỹ đầu tư phát triển:

Dự kiến năm 2018 công tác đầu tư phát triển là 8.899.275.649 đồng.

4.3. Kế hoạch Doanh thu năm 2018: 569.035.271.198 đồng. Trong đó:

- Doanh thu sản xuất điện: 567.435.271.198 đồng.
- Doanh thu, thu nhập khác: 1.600.000.000 đồng.

Doanh thu dự kiến năm 2018 thấp hơn so với thực hiện năm 2017 là do sản lượng điện năm 2018 theo tính toán thấp hơn năm 2017.

4.4. Kế hoạch Chi phí năm 2018: 427.254.460.349 đồng

Năm 2018, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí theo các chỉ tiêu tối ưu hóa chi phí của EVNGENCO1. Tuy nhiên chi phí dự kiến năm 2018 cao hơn thực hiện năm 2017 là 18,385 tỷ đồng do một số nguyên nhân chủ yếu sau: Thuế tài nguyên, Phí môi trường rừng và phí sử dụng nước mặt thủy điện Khe Bố tăng hơn 11,459 tỷ đồng; Chi phí sửa chữa lớn thủy điện Khe Bố tăng 4,1 tỷ (đại tu 02 tổ máy).

a) Kế hoạch Sửa chữa lớn

Kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2018 Công ty dự kiến là: 6.804.000.000 đồng. Trong đó:

- Thủy điện Nậm Má: Sửa chữa lớn 05 danh mục với giá trị là: 1.254.000.000 đồng.
- Thủy điện Bắc Bình: Sửa chữa lớn 05 danh mục với giá trị là: 1.400.000.000 đồng.
- Thủy điện Khe Bố: Sửa chữa lớn 01 danh mục với giá trị là: 4.150.000.000 đồng.

Chi phí sửa chữa lớn năm 2018 tăng so với năm 2017 do: Trong năm 2018 Công ty thực hiện đại tu 02 Tổ máy thủy điện Khe Bố, thủy điện Nậm Má; Sửa chữa xử lý độ đảo trục Tổ máy số 2 thủy điện Bắc Bình; Đại tu thiết bị Cửa nhận nước, Đập tràn thủy điện Bắc Bình; Sơn và siêu âm kiểm tra chất lượng đường ống áp lực thủy điện Nậm Má.

b) Kế hoạch sửa chữa thường xuyên

Kế hoạch sửa chữa thường xuyên năm 2018 Công ty dự kiến là: 1.674.626.723 đồng. Trong đó:

- Thủy điện Nậm Má: 323.800.000 đồng.
- Thủy điện Bắc Bình: 728.503.000 đồng.
- Thủy điện Khe Bố: 451.353.723 đồng.
- Văn phòng Công ty: 170.970.000 đồng.

c) Công tác mua sắm vật tư dự phòng:

Kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị dự phòng các nhà máy năm 2018 dự kiến là: 794.550.200 đồng. Trong đó:

- Thủy điện Nậm Má: 90.550.000 đồng.
- Thủy điện Bắc Bình: 519.355.200 đồng.
- Thủy điện Khe Bố: 184.645.000 đồng.

d)Lao động - Tiền lương:

- Kế hoạch lao động định biên:
  + Ban TGĐ, kế toán trưởng: Ban TGĐ 02 người, Kế toán trưởng: 01 người.
  + Ban Giám đốc các đơn vị: Giám đốc: 02 người, Phó giám đốc: 02 người.
  + CBCNV cơ quan Công ty và các đơn vị: 132 người.
- Quỹ Tiền lương cho CBCNV và Ban điều hành:
  + Quỹ tiền lương CBCNV và Ban ĐH 2018: 31.416.989.418 đồng
  + Quỹ tiền lương dự phòng năm 2018 của CBCNV, Ban ĐH: 4.127.042.000 đồng
  + Quỹ tiền thưởng an toàn điện: 3.830.859.551 đồng
- Tiền lương, thù lao HĐQT và Ban KS năm 2018:

+ Quỹ tiền lương, thù lao HĐQT và Ban KS năm 2018: 2.462.400.000 đồng

+ Quỹ tiền lương, thù lao dự phòng năm 2018 của HĐQT và Ban KS: 295.646.400 đồng

- Quỹ tiền lương năm 2018 Công ty áp dụng Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính Phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.
- Quỹ tiền lương, thù lao dự phòng năm 2018 được thực hiện tính toán theo nguyên tắc quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2017 trừ đi phần tiền lương, thù lao kế hoạch được duyệt 2017 và được quy định tại các Nghị định 51/2016/NĐ-CP, Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH, Nghị định 52/2016/NĐ-CP, Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH. Quỹ tiền lương thù lao dự phòng đạt tỷ lệ 13,5% quỹ tiền lương thực hiện năm 2017. Quỹ dự phòng được thực hiện chi trả cho Người quản lý Công ty và CBCNV trong trường hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đạt kế hoạch đề ra.

4.5. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

- Kế hoạch lợi nhuận sau thuế: 123.813.351.032 đồng.
- Dự kiến kế hoạch cổ tức năm 2018: 10,0%.

4.6. Kế hoạch giá bán điện bình quân: Dự kiến giá bán điện bình quân năm 2018: 1.071,67 đ/kWh (đã bao gồm thuế tài nguyên nước và phí môi trường rừng).

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Xem chi tiết tại mục 6 Phần II

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2017 là một năm phát triển vượt bậc của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam. Cùng với sự đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu của Ban điều hành cũng như toàn thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt. Cụ thể là:

- Công tác sản xuất điện: Đến hết ngày 31/12/2017, Công ty sản xuất được 610.854.203/511.711.670 kWh, tương đương 119,37% kế hoạch cả năm;

- Doanh thu năm 2017 của Công ty đạt 596.830.561.490 đồng/508.726.076.746 đồng, đạt 117,32% kế hoạch;

- Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2017, Công ty được giao là 93.843.667.606 đồng. Đến 31/12/2017, lợi nhuận sau thuế đạt 162.178.852.326 đồng, đạt 172,82% kế hoạch. Dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 mức chi trả cổ tức năm 2017 là 10,0% bằng tiền mặt đạt 125,00% kế hoạch.

- Công tác đầu tư xây dựng: Năm 2017, Công ty tiếp tục thực hiện ĐTXD các hạng mục còn lại của 02 dự án và mua trụ sở văn phòng mới với giá trị thực hiện là 52,751 tỷ đồng tương đương với 66,23%.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:

Năm 2017, Ban Tổng giám đốc Công ty đã rất nỗ lực, cố gắng khắc phục mọi khó khăn, điều hành linh hoạt, sát sao các mặt hoạt động trong Công ty, giúp Công ty trong năm 2017 đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao cho. Đặc biệt, trong năm 2017 Ban Tổng giám đốc Công ty đã phối hợp tốt với các phòng, ban, Nhà máy đàm phán thành công giá bán điện mới tăng so với giá bán điện trước đây, góp phần đóng góp không nhỏ vào việc hoàn thành vượt mức chỉ tiêu doanh thu được ĐHĐCĐ giao cho. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc luôn báo cáo chi tiết, đầy đủ và chính xác các vấn đề phát sinh trình HĐQT; bàn bạc trực tiếp hoặc qua điện thoại, email hay bằng văn bản với HĐQT để kịp thời đưa ra các giải pháp tối ưu nhất nhằm hoàn thành kế hoạch đã được ĐHĐCĐ giao. Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, thẩm

quyền được phân cấp, thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định, các chỉ đạo của HĐQT; tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Trong điều kiện kinh tế xã hội năm 2017 còn nhiều khó khăn, thử thách, kết quả hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch là một điều rất đáng trân trọng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Chỉ đạo Công ty hoàn thành Kế hoạch năm 2018 do ĐHĐCĐ giao.
- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý vận hành các Nhà máy điện sản xuất an toàn, ổn định và hiệu quả.
- Tiếp tục tìm kiếm dự án mới để nghiên cứu đầu tư.
- Hoàn thiện và chuyển trụ sở văn phòng Công ty.
- Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Tiếp tục cập nhật, bổ sung và hoàn thiện hệ thống các văn bản, quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông. Đảm bảo thu nhập, điều kiện làm việc của người lao động. Thực hiện các giải pháp khuyến khích để Người lao động gắn bó vì sự phát triển của Công ty.
- Thực hiện những nhiệm vụ khác do ĐHĐCĐ giao.

V. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý,trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	**100**		**228.887.984.025**	**149.706.165.831**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	0	**144.631.535.227**	**57.890.769.225**
Tiền	111		5.170.142.107	1.623.736.522
Các khoản tương đương tiền	112		139.461.393.120	56.267.032.703
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**81.974.390.559**	**89.106.401.391**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	0	41.132.416.055	41.340.067.292
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		35.596.641.710	38.554.928.509
Phải thu ngắn hạn khác	136	0	5.245.332.794	9.211.405.590
Hàng tồn kho	**140**	0	**1.872.416.851**	**2.317.575.952**
Hàng tồn kho	141		1.872.416.851	2.317.575.952
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**409.641.388**	**391.419.263**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	0	409.639.138	391.417.013
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.250	2.250
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	**200**		**2.412.213.204.008**	**2.554.047.080.740**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản cố định	**220**		**2.374.013.801.722**	**2.547.492.536.307**
Tài sản cố định hữu hình	221	0	2.370.382.253.766	2.543.849.190.971
Nguyên giá	222		3.362.051.272.328	3.354.083.185.971
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(991.669.018.562)	(810.233.995.000)
Tài sản cố định vô hình	227	0	3.631.547.956	3.643.345.336
Nguyên giá	228		4.218.451.584	4.160.111.334
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(586.903.628)	(516.765.998)
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**35.254.644.098**	**133.072.326**
Xây dựng cơ bản dở dang	242	0	35.254.644.098	133.072.326
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**1.950.000.000**	**1.950.000.000**
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	0	1.950.000.000	1.950.000.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**994.758.188**	**4.471.472.107**
Chi phí trả trước dài hạn	261	0	994.758.188	4.471.472.107
TỔNG TÀI SẢN(270 = 100 + 200)	**270**		**2.641.101.188.033**	**2.703.753.246.571**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**1.436.017.079.435**	**1.596.054.006.956**
Nợ ngắn hạn	**310**		**408.955.620.991**	**371.042.192.826**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	0	52.834.257.519	137.871.180.833
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		102.460.000	102.460.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	0	16.187.081.475	8.583.542.266
Phải trả người lao động	314		7.980.127.523	7.018.744.821
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	0	1.794.677.018	1.977.748.667
Phải trả ngắn hạn khác	319	0	18.101.593.819	16.080.433.370
Vay ngắn hạn	320	0	310.931.286.540	196.418.205.638
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	0	1.024.137.097	2.989.877.231
Nợ dài hạn	**330**		**1.027.061.458.444**	**1.225.011.814.130**
Phải trả nội bộ dài hạn	335	0	4.572.014.881	34.717.000.635
Vay dài hạn	338	0	1.022.489.443.563	1.190.294.813.495
VỐN CHỦ SỞ HỮU(400 = 410)	**400**		**1.205.084.108.598**	**1.107.699.239.615**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**0**	**1.205.084.108.598**	**1.107.699.239.615**
Vốn cổ phần	411	0	1.024.930.980.000	1.024.930.980.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*1.024.930.980.000*	*1.024.930.980.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.963.476.440	2.963.476.440
Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.925.008.073	1.490.730.951
Quỹ đầu tư phát triển	418	0	11.068.256.211	13.502.533.333
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phố	421		162.196.387.874	64.811.518.891
- *LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối nămtrước*	*421a*		*17.535.548*	*8.823.881.665*
- *LNST chưa phân phối năm nay*	*421b*		*162.178.852.326*	*55.987.637.226*
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**2.641.101.188.033**	**2.703.753.246.571**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng	**01**	**0**	**593.372.937.658**	**448.743.607.239**
Giá vốn hàng bán	**11**	**0**	**263.131.078.004**	**243.897.044.997**
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	**20**		**330.241.859.654**	**204.846.562.242**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	0	3.381.900.289	2.008.376.970
Chi phí tài chính	22	0	115.761.266.260	121.699.376.147
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*112.400.540.010*	*121.748.711.472*
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	0	29.009.255.260	27.685.997.600

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30 = 20 + 21 - 22 - 26)	**30**		**188.853.238.423**	**57.469.565.465**
Thu nhập khác	31		75.723.543	243.593.636
Chi phí khác	32		967.806.492	331.200.000
Kết quả từ hoạt động khác(40 = 31 - 32)	**40**		**(892.082.949)**	**(87.606.364)**
Lợi nhuậnkế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**187.961.155.474**	**57.381.959.101**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**0**	**25.782.303.148**	**1.394.321.875**
Lợi nhuậnsau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	**60**		**162.178.852.326**	**55.987.637.226**
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	0	1.582	546

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		652.917.882.661	481.705.820.357
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(6.335.096.620)	(11.569.189.139)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(29.144.947.471)	(29.838.279.768)
Tiền lãi vay đã trả	04		(112.326.049.788)	(121.682.310.253)
Thuế nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(20.882.617.315)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.349.158.362	1.278.593.466
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(133.404.532.996)	(92.039.724.749)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**353.173.796.833**	**227.854.909.914**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(156.791.313.761)	(33.807.389.893)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	201.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.970.501.151	1.913.154.596
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(153.820.812.610)**	**(31.693.235.297)**

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		180.002.348.119	162.666.544.839
Tiền trả nợ gốc vay	34		(233.294.637.149)	(303.736.089.668)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	36		(59.319.881.634)	(48.885.078.848)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(112.612.170.664)**	**(189.954.623.677)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**86.740.813.559**	**6.207.050.940**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**		**57.890.769.225**	**51.682.608.595**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	**61**		**(47.557)**	**1.109.690**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	0	**144.631.535.227**	**57.890.769.225**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và các đơn vị trực thuộc của Công ty.

Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty có 3 đơn vị trực thuộc như sau:

Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	Bình Thuận	Sản xuất điện năng
Nhà máy Thủy điện Khe Bố	Nghệ An	Sản xuất điện năng
Trung tâm tư vấn Thiết kế	Hà Nội	Tư vấn, thiết kế

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017,Công ty có 135 nhân viên (1/1/2017: 135 nhân viên).

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho Công ty do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 đối với việc trích trước nguyên giá của tài sản cố định tạm tăng của Nhà máy Thủy điện Khe Bố và Nhà máy Thủy điện Bắc Bình.

Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 180.068 triệu VND (1/1/2017: 221.336 triệu VND). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản dựa trên khả năng của Công ty trong việc tạo ra dòng tiền trong tương lai đủ để Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng giám đốc nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty.

Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công tyáp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công tykhi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho, ngoại trừ chi phí sản xuất kinh doanh dở

dang, được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở danglà các dự án dịch vụ được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp để đưa đất đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 66 năm và không khấu hao đối với quyền sử dụng đất được Nhà nước giao vô thời hạn.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 10 năm.

Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 66 năm.

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm.

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Phần thu từ phát hành cổ phiếu phổ thông vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng giám đốcphân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công tyxếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công tyxếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

- các khoản mà Công tycó thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chínhđược xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chínhđược xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chínhđược xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở

hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng vớithời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanhtheo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và trong năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất điện năng và tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam với các điều kiện kinh tế, chính trị và quy định như nhau.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	203.929.178	272.278.469
Tiền gửi ngân hàng	4.966.212.929	1.351.458.053
Các khoản tương đương tiền	139.461.393.120	56.267.032.703
	144.631.535.227	57.890.769.225

Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Mua bán Điện	39.444.387.092	39.491.480.439
Các khách hàng khác	1.688.028.963	1.848.586.853
	41.132.416.055	41.340.067.292

Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Mua bán Điện	39.444.387.092	39.491.480.439
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	856.208.744	1.019.303.452
	40.300.595.836	40.510.783.891

Khoản phải thu thương mại từ khách hàng là bên liên quan không có đảm bảo, không chịulãi và có thời hạn hoàn trả là 15 ngày kể từ ngày bên mua nhận được hóa đơn thanh toán hợp lệ và chính xác của bên bán.

Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ký cược, ký quỹ	-	3.467.105.093
Tạm ứng cho Ban Quản lý Dự án bồi thường di dân và tái định cư huyện Tương Dương	4.472.363.000	4.472.363.000
Tạm ứngcho nhân viên	478.672.000	695.160.000
Phải thu về lãi tiền gửi	220.788.637	103.836.210
Các khoản phải thu khác	73.509.157	472.941.287
	5.245.332.794	9.211.405.590

Hàng tồn kho

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Hàng đi đường	73.000.000	-
Nguyên vật liệu	561.758.999	239.685.585
Công cụ và dụng cụ	52.830.804	258.116.827
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.184.827.048	1.819.773.540
- *Dự án Sông Bạc*	-	*636.606.492*
- *Chi phí tư vấn thiết kế cho Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bố*	*1.184.827.048*	*1.183.167.048*
	1.872.416.851	2.317.575.952

Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.661.594.508.907	1.682.616.144.632	9.314.574.213	557.958.219	3.354.083.185.971
Tăng trong năm	-	-	2.727.116.493	61.950.000	2.789.066.493
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.545.219.105	-	-	633.800.759	5.179.019.864
Số dư cuối năm	1.666.139.728.012	1.682.616.144.632	12.041.690.706	1.253.708.978	3.362.051.272.328
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	335.978.677.824	468.581.587.385	5.207.560.100	466.169.691	810.233.995.000
Khấu hao trong năm	76.429.884.752	103.893.411.788	1.030.789.088	80.937.934	181.435.023.562
Số dư cuối năm	412.408.562.576	572.474.999.173	6.238.349.188	547.107.625	991.669.018.562
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.325.615.831.083	1.214.034.557.247	4.107.014.113	91.788.528	2.543.849.190.971
Số dư cuối năm	1.253.731.165.436	1.110.141.145.459	5.803.341.518	706.601.353	2.370.382.253.766

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 11.921.127.325 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 10.186.637.155 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 98.490.765 VND (1/1/2017: 98.490.765 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.354.052.484.102 VND (1/1/2017: 2.533.836.076.793 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.857.548.229	210.748.515	91.814.590	4.160.111.334
Tăng trong năm	-	58.340.250	-	58.340.250
Số dư cuối năm	3.857.548.229	269.088.765	91.814.590	4.218.451.584
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	334.891.474	90.059.934	91.814.590	516.765.998
Khấu hao trong năm	47.841.636	22.295.994	-	70.137.630
Số dư cuối năm	382.733.110	112.355.928	91.814.590	586.903.628
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	3.522.656.755	120.688.581	-	3.643.345.336
Số dư cuối năm	3.474.815.119	156.732.837	-	3.631.547.956

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 91.814.590 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 91.814.590 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 3.474.815.119 VND (1/1/2017: 3.522.656.755 VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay củaCông ty.

Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	133.072.326	15.550.343.334
Tăng trong năm	40.300.591.636	7.191.491.382
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.179.019.864)	(22.608.762.390)
Số dư cuối năm	35.254.644.098	133.072.326

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tòa nhà văn phòng Công ty	32.563.109.523	-
Nhà ở và nhà làm việc của cán bộ công nhân viên		
Nhà máy Thủy điện Khe Bố	2.407.197.908	-
Công trình khác	284.336.667	133.072.326
	35.254.644.098	133.072.326

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		31/12/2017					1/1/2017				
	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:											
Công ty Cổ phần Thủy điện Cấm Sơn	Lạng Sơn	195.000	9,60%	1.950.000.000	-	(*)	195.000	9,83%	1.950.000.000	-	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầutư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công cụ và dụng cụ	67.867.608	22.715.908
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	341.771.530	368.701.105
	409.639.138	391.417.013

Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	928.571.920	120.440.560	3.422.459.627	4.471.472.107
Tăng trong năm	-	45.836.364	21.272.640	67.109.004
Phân bổ trong năm	(20.222.980)	(146.012.157)	(3.377.587.786)	(3.543.822.923)
Số dư cuối năm	908.348.940	20.264.767	66.144.481	994.758.188

Phải trả người bánngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Liên danh YMEC-ZHEFU-EEMC	-	16.756.318.609
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực	10.437.529.475	13.473.187.656
Tổng Công ty 36	9.054.498.668	68.320.850.976
Ban Quản lý Dự án bồi thường di dân và tái định cư huyện Tương Dương	8.008.312.108	6.285.560.269
Các nhà cung cấp khác	25.333.917.268	33.035.263.323
	52.834.257.519	137.871.180.833

Thuế và các khoảnphải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	306.496.589	59.340.748.307	(51.239.595.061)	(6.277.307.134)	2.130.342.701
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.152.657.772	25.782.303.148	(20.882.617.315)	-	6.052.343.605
Thuế thu nhập cá nhân	891.526.701	1.801.510.485	(1.665.774.967)	-	1.027.262.219
Thuế tài nguyên	3.401.298.524	49.723.058.086	(49.941.279.804)	-	3.183.076.806
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	25.855.232	(25.855.232)	-	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.831.562.680	12.809.060.684	(11.846.567.220)	-	3.794.056.144
	8.583.542.266	149.488.535.942	(135.607.689.599)	(6.277.307.134)	16.187.081.475

Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí lãi vay	344.323.912	269.833.690
Chi phí thưởng vận hành an toàn điện	-	1.371.547.350
Các khoản trích trước khác	1.450.353.106	336.367.627
	1.794.677.018	1.977.748.667

Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Kinh phí công đoàn	83.008.384	34.560.266
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	-	1.972.974
Cổ tức phải trả	16.678.959.753	14.810.461.881
Tiền ứng vốn tạm thời do Hội đồng di dân,tái định cư Huyện Tương Dươngtrả hộ cho Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bố	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả, phải nộp khác	339.625.682	233.438.249
	18.101.593.819	16.080.433.370

Vay

Vay ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm Tăng VND	Giảm VND	31/12/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	13.318.205.638	30.707.718.051	(34.194.637.149)	9.831.286.540
Vay dài hạn đến hạn trả (17(b))	183.100.000.000	317.100.000.000	(199.100.000.000)	301.100.000.000
	196.418.205.638	347.807.718.051	(233.294.637.149)	310.931.286.540

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Quảng Ninh	VND	7%-9%	9.831.286.540	13.318.205.638

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 10.286.303.045 VND (1/1/2017: 10.525.532.858 VND) (Thuyết minh 8).

Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (*)	VND	6,90%-10,50%	2020	905.466.301.476	1.049.466.301.476
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Tây Hồ	VND	9,48%-9,50%	2025	205.200.000.000	223.200.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội				83.060.003.274	100.728.512.019
Hợp đồng số 93-21.08.15/HĐTD/TPBANK.THN	*VND*	*9,48%-9,50%*	*2025*	*38.807.391.725*	*44.807.391.725*
Hợp đồng số 155-26.11.15/HĐTD/TPBANK.THN	*VND*	*9,48%-9,50%*	*2020*	*44.252.611.549*	*55.921.120.294*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Quảng Ninh (*)	VND	9,20%-9,54%	2027	129.863.138.813	-
				1.323.589.443.563	1.373.394.813.495
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(301.100.000.000)	(183.100.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.022.489.443.563	1.190.294.813.495

Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được đảm bảo bằngtài sản cố định hữu hình và vô hình có giá trị còn lại là 2.347.240.996.176 VND (1/1/2017: 2.526.833.200.690 VND) (Thuyết minh 8 và9).

(*) Đây là các khoản vay có lãi suất cố định theo từng lần giải ngân.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	2.989.877.231	7.516.521.993
Trích lập trong năm	3.605.603.837	1.301.344.131
Tăng khác trong năm	72.700.000	8.000.000
Sử dụng trong năm	(5.644.043.971)	(5.835.988.893)
Số dư cuối năm	1.024.137.097	2.989.877.231

Phải trả nội bộ dài hạn

Đây là khoản trích trước Nguyên giá tài sản cố định tạm tăng của Nhà máy Thủy điện Khe Bố từ năm 2013 và tài sản cố định tạm tăng của Nhà máy Thủy điện Bắc Bình từ năm 2016. Việc hạch toán và theo dõi trên khoản mục này được thực hiện theo công văn số 12227/BCT-CĐKT ngày 3/9/2015 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và sẽ được tất toán khi Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bố và tài sản cố định của Nhà máy Thủy điện Bắc Bình quyết toán chính thức.

Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	999.966.710.000	27.927.746.440	1.454.930.951	12.670.770.579	60.991.124.050	1.103.011.282.020
Phát hành cổ phiếu	24.964.270.000	(24.964.270.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	55.987.637.226	55.987.637.226
Cổ tức (thuyết minh số 22)	-	-	-	-	(49.998.335.500)	(49.998.335.500)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	867.562.754	(867.562.754)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.301.344.131)	(1.301.344.131)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển mua tài sản cố định	-	-	35.800.000	(35.800.000)	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2017	1.024.930.980.000	2.963.476.440	1.490.730.951	13.502.533.333	64.811.518.891	1.107.699.239.615
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	162.178.852.326	162.178.852.326
Cổ tức (thuyết minh số 22)	-	-	-	-	(61.188.379.506)	(61.188.379.506)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.605.603.837)	(3.605.603.837)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển mua tài sản cố định	-	-	2.434.277.122	(2.434.277.122)	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2017	1.024.930.980.000	2.963.476.440	3.925.008.073	11.068.256.211	162.196.387.874	1.205.084.108.598

Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017 và 1/1/2017	
	Số cổ phiếu	**VND**
Vốn cổ phần được duyệt	102.493.098	1.024.930.980.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	102.493.098	1.024.930.980.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	102.493.098	1.024.930.980.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 21 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 61.205.915.054 VND từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tại cuộc họp ngày 21 tháng 9 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định chi trả khoản cổ tức 61.188.379.506 VND bằng tiền để đảm bảo cổ tức chi trả cho mỗi cổ phiếu không lẻ. Công ty đã chi trả khoản cổ tức này từ tháng 10 năm 2017.

Tại cuộc họp ngày 23 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 49.998.335.500 VND từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Công ty đã chi trả khoản cổ tức này từ tháng 10 năm 2016.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán
Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	**Tương đương VND**	**Nguyên tệ**	**Tương đương VND**
USD	2.369	53.719.343	2.386	54.379.621

Doanh thu bán hàng
Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	**2016 VND**
Doanh thu bán điện thương phẩm		
▪ Nhà máy Thủy điện Nậm Má	10.377.486.847	10.559.773.584
▪ Nhà máy Thủy điệnBắc Bình	142.585.965.380	71.079.618.771
▪ Nhà máy Thủy điệnKhe Bố	440.409.485.431	367.104.214.884
	593.372.937.658	448.743.607.239

Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán		
▪ Nhà máy Thủy điệnNậm Má	5.774.355.345	5.922.949.704
▪ Nhà máy Thủy điệnBắc Bình	65.736.335.560	56.294.124.896
▪ Nhà máy Thủy điệnKhe Bố	191.620.387.099	181.679.970.397
	263.131.078.004	243.897.044.997

Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	2.989.953.578	1.940.126.970
Cổ tức được chia	97.500.000	68.250.000
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	287.954.087	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.492.624	-
	3.381.900.289	2.008.376.970

Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	112.400.540.010	121.748.711.472
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	267.139.351
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(750.597.372)
Chi phí tài chính khác	3.360.726.250	434.122.696
	115.761.266.260	121.699.376.147

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	615.707.553	622.111.667
Chi phí nhân viên	17.031.784.350	16.732.947.148
Chi phí công cụ, dụng cụ và đồ dùng	192.369.795	543.150.631
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.861.761.491	1.466.411.773
Thuế, phí và lệ phí	73.355.642	66.309.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.428.839.548	1.657.353.409
Chi phí khác bằng tiền	7.805.436.881	6.597.713.330
	29.009.255.260	27.685.997.600

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	856.594.134	1.163.739.894
Chi phí nhân viên	29.526.287.347	28.418.808.279
Chi phí công cụ, dụng cụ và đồ dùng	275.919.419	882.323.299
Chi phí khấu hao tài sản cố định	181.352.586.648	181.267.408.253
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.987.752.630	963.615.766
Thuế, phí và lệ phí	62.622.481.412	44.694.398.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.768.793.678	5.042.377.021
Chi phí khác	10.751.577.996	9.151.482.438

Thuế thu nhập
Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuậnkế toán trước thuế	187.961.155.474	57.381.959.101
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	37.592.231.095	11.476.391.820
Ưu đãi thuế	(12.003.175.975)	(10.168.275.043)
Chi phí không được khấu trừ thuế	212.748.028	99.855.098
Thu nhập không bị tính thuế	(19.500.000)	(13.650.000)
	25.782.303.148	1.394.321.875

Thuế suất áp dụng

Nhà máy Thủy điện Bắc Bình

Theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập, Nhà máy Thủy điện Bắc Bình có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các quy định hiện hành về thuế thu nhập cho phép Nhà máy được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2016).Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% từ năm 2016.

Nhà máy Thủy điện Khe Bố

Theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập, Nhà máy Thủy điện Khe Bố có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các quy định hiện hành về thuế thu nhập cho phép Nhà máy được miễn thuế thu nhập trong năm 2015 và 2016 và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2017 đến năm 2023).Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% từ năm 2016.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúcngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thôngvà số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	162.178.852.326	55.987.637.226
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuậnthuần thuộc về cổ đông phổ thông	162.178.852.326	55.987.637.226

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chonăm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2017	2016
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	102.493.098	102.493.098

Các công cụ tài chính

Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng giám đốccó trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, vàtheo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công tynếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	144.427.606.049	57.618.490.756
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	46.377.748.849	50.551.472.882
		190.805.354.898	108.169.963.638

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu

nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, tạm ứng, và phải thu về lãi tiền gửi tại ngân hàng.

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Tổng giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu khách hàng là tương đối thấp.

Rủi ro tín dụng của Công tyliên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi tại ngân hàng được xem là tương đối thấp do tiền gửi có kỳ hạn của Công tyđược gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Công tykhông nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Không có khoản phải thu nào đã quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: không).

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công tykhông thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	**Giá trị ghi sổ VND**	**Dòng tiền theo hợp đồng VND**	**Trong vòng 1 năm VND**	**1 – 2 năm VND**	**2 – 5 năm VND**	**Hơn 5 năm VND**
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	70.935.851.338	70.935.851.338	70.935.851.338	-	-	-
Vay ngắn hạn	9.831.286.540	9.876.093.931	9.876.093.931	-	-	-
Vay dài hạn	1.323.589.443.563	1.592.303.735.613	394.502.345.560	448.088.768.426	575.077.693.181	174.634.928.446
Chi phí phải trả	1.794.677.018	1.794.677.018	1.794.677.018	-	-	-
	1.406.151.258.459	1.674.910.357.900	477.108.967.847	448.088.768.426	575.077.693.181	174.634.928.446

Ngày 1 tháng 1 năm 2017	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	153.951.614.203	153.951.614.203	153.951.614.203	-	-	-
Vay ngắn hạn	13.318.205.638	13.789.253.770	13.789.253.770	-	-	-
Vay dài hạn	1.373.394.813.495	1.627.654.481.934	230.274.266.740	377.782.672.613	872.480.730.585	147.116.811.996
Chi phí phải trả	1.977.748.667	1.977.748.667	1.977.748.667	-	-	-
	1.542.642.382.003	1.797.373.098.574	399.992.883.380	377.782.672.613	872.480.730.585	147.116.811.996

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công tyhoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công tynắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2017 USD	1/1/2017 USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.369	2.386
Phải trả người bán	(261.001)	(995.605)
	(258.632)	(993.219)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

		Tỷ giá tại ngày
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
1 USD/VND	22.740	22.770

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuậnkế toán trước thuế VND
31/12/2017	
USD (mạnh thêm 1% so với đồng VND)	(58.812.917)
1/1/2017	
USD (mạnh thêm 3% so với đồng VND)	(678.467.899)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuậnkế toán trước thuế của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017 VND	**1/1/2017 VND**
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	144.427.606.049	57.618.490.756
Vay ngắn hạn	(9.831.286.540)	(13.318.205.638)
Vay dài hạn	(905.466.301.476)	(1.049.466.301.476)
	(770.869.981.967)	(1.005.166.016.358)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Vay dài hạn	(418.123.142.087)	(323.928.512.019)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 4.181.231.421 VND lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty (1/1/2017: 3.239.285.120 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	144.631.535.227	144.631.535.227	57.890.769.225	57.890.769.225
▪ Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	46.377.748.849	46.377.748.849	50.551.472.882	50.551.472.882
Được phân loại là công cụ tài chính sẵn sàng để bán:				
▪ Đầu tư tài chính dài hạn	1.950.000.000	(*)	1.950.000.000	(*)
Nợ phải trả tài chính				
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(70.935.851.338)	(70.935.851.338)	(153.951.614.203)	(153.951.614.203)
▪ Vay ngắn hạn	(9.831.286.540)	(9.831.286.540)	(13.318.205.638)	(13.318.205.638)
▪ Vay dài hạn	(1.323.589.443.563)	(*)	(1.373.394.813.495)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(1.794.677.018)	(1.794.677.018)	(1.977.748.667)	(1.977.748.667)
	(1.213.191.974.383)		(1.432.250.139.896)	

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2017	**2016**
	VND	**VND**
Các công ty liên quan		
Tổng Công ty Phát điện 1		
Cổ tức	22.423.226.271	18.321.875.000
Công ty Mua bán Điện		
Doanh thu bán hàng	582.995.450.811	438.183.833.655
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc		
Doanh thu bán hàng	10.322.689.624	10.536.555.555
Hội đồng Quản trịvà Ban kiểm soát		
Lương và thù lao	1.785.177.260	1.533.232.715
Ban Tổng giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.098.785.281	1.214.587.492

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công tytại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Nội dung Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán được đăng tải đầy đủ trên website của Công ty tại địa chỉ http://vnpd.com.vn.

Nơi nhận:
- *UBCKNN;*
- *TTLKCK;*
- *Sở GDCK HN;*
- *Các thành viên HĐQT;*
- *Ban Tổng giám đốc;*
- *Ban kiểm soát;*
- *Lưu: VT, VP.HĐQT.*

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Nguyễn Thanh Tùng